NGHIÊM VIẾT HẢI (Tổng Chủ biên) – ĐOÀN CHÍ KIÊN (Chủ biên)
NGÔ GIA BẮC – HOÀNG QUỐC HUY – MAI ĐỨC KIÊN
HOÀNG VIỆT LONG – DOÃN VĂN NGHĨA – VŨ VĂN NINH

Bài tập GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH 10



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

NGHIÊM VIẾT HẢI (Tổng Chủ biên) – ĐOÀN CHÍ KIÊN (Chủ biên)
NGÔ GIA BẮC – HOÀNG QUỐC HUY – MAI ĐỨC KIÊN
HOÀNG VIỆT LONG – DOÃN VĂN NGHĨA – VŨ VĂN NINH

Bài tập GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH 10

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

LỜI NÓI ĐẦU

Các em học sinh thân mến!

Bài tập Giáo dục quốc phòng và an ninh 10 của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam là tài liệu bổ trợ giúp học sinh củng cố kiến thức, rèn luyện kĩ năng, phát triển phẩm chất và năng lực theo mục tiêu của môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh. Nội dung sách gồm hai phần chính: Phần một - Bài tập; phần hai - Hướng dẫn giải và đáp án.

Phần một là các bài tập được thiết kế theo mục tiêu từng bài trong sách giáo khoa, với nhiều dạng khác nhau: trắc nghiệm khách quan, tự luận, xử lí tình huống,... Các em có thể dựa vào kiến thức cơ bản đã học và thực tế cuộc sống để thực hiện bài tập một cách linh hoạt, sáng tạo.

Phần hai là hướng dẫn giải và đáp án giúp các em tự mình kiểm tra, đánh giá kết quả làm bài; cung cấp các gợi ý cụ thể để các em có thể tự mình hoàn thành bài tập một cách thuận lợi nhất.

Cuốn sách không chỉ là người bạn đồng hành thân thiết, gắn bó với các em trong suốt năm học, mà còn là công cụ hỗ trợ cho giáo viên trong việc kiểm tra, đánh giá theo tiêu chí cần đạt. Hi vọng cuốn sách sẽ là tài liệu hữu ích của các thầy cô giáo và các em học sinh.

CÁC TÁC GIẢ

Mục lục

Bài	Tên bài	Trang
1	Lịch sử, truyền thống của lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam	4
2	Nội dung cơ bản một số luật về quốc phòng và an ninh Việt Nam	7
3	Ma tuý, tác hại của ma tuý	9
4	Phòng, chống vi phạm pháp luật về trật tự an toàn giao thông	11
5	Bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự, an toàn xã hội	13
6	Một số hiểu biết về an ninh mạng	15
7	Thường thức phòng tránh một số loại bom, mìn, đạn, vũ khí hoá học, vũ khí sinh học, vũ khí công nghệ cao, thiên tai, dịch bệnh và cháy nổ	17
8	Một số nội dung Điều lệnh Quản lí bộ đội và Điều lệnh Công an nhân dân	21
9	Đội ngũ từng người không có súng	22
10	Đội ngũ tiểu đội	29
11	Các tư thế, động tác cơ bản vận động trong chiến đấu	30
12	Kĩ thuật cấp cứu và chuyển thương	32
Hướng dẫn giải và đáp án		38

BÀI 1

LỊCH SỬ, TRUYỀN THỐNG CỦA LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN VIỆT NAM

1. Ngày truyền thống của Quân đội nhân dân Việt Nam là ngày nào?

A. 22/12. B. 22/5.

C. 22/11. D. 22/10.

2. Lực lượng vũ trang nhân dân gồm những thành phần nào?

A. Quân đội nhân dân. B. Công an nhân dân.

C. Dân quân tự vệ. D. Cả A, B và C.

3. Ngày đầu thành lập Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân có bao nhiêu chiến sĩ?

A. 32. B. 33. C. 34. D. 35.

4. Một trong những truyền thống vẻ vang của Quân đội nhân dân Việt Nam là

A. trung thành vô hạn với sự nghiệp đổi mới của đất nước.

B. trung thành vô hạn với nhân dân lao động.

C. trung thành vô hạn với hiến pháp, pháp luật.

D. trung thành vô hạn với Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, với Đảng, Nhà nước và nhân dân.

5. Ngày truyền thống của lực lượng Công an nhân dân Việt Nam là ngày nào?

A. 19/6. B. 19/7.

C. 19/8. D. 19/9.

6. Một trong những truyền thống vẻ vang của Công an nhân dân Việt Nam là

A. tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và nhân dân Việt Nam.

B. quyết chiến, quyết thắng.

C. trung thành với nhân dân lao động.

D. đoàn kết, thuỷ chung với bạn bè quốc tế.

7. Đâu là câu nói của Chủ tịch Hồ Chí Minh?

A. Công an và quân đội là hai cánh tay của nhân dân, của Đảng, của Chính phủ, của vô sản chuyên chính.

B. Công an và quân đội là anh em sinh đôi.

C. Công an và quân đội như cặp song sinh.

D. Công an và quân đội như anh em một nhà.

8. Ngày truyền thống của lực lượng dân quân tự vệ là ngày nào?

A. 26/3. B. 27/3. C. 28/3. D. 29/3.

9. Cách đánh chủ yếu của dân quân tự vệ trong kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ là

A. hiệp đồng binh chủng.

B. du kích.

C. tác chiến bằng các binh đoàn chủ lực.

D. đánh nhanh, thắng nhanh.

10. Người chỉ huy cao nhất của lực lượng dân quân tự vệ là ai?

A. Chủ tịch nước. B. Thủ tướng Chính phủ.

C. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng. D. Bộ trưởng Bộ Công an.

11. Em hãy chọn mốc thời gian phù hợp với các sự kiện sau:

STT	Sự kiện	Thời gian diễn ra		
		Chống Pháp	Chống Mỹ	Giai đoạn khác
1	Trận Điện Biên phủ trên không.			
2	Chiến dịch Biên giới.			
3	Chiến tranh đặc biệt.			
4	Chiến tranh cục bộ.			
5	Chiến thắng Điện Biên Phủ.			
6	Chiến sĩ Bế Văn Đàn lấy thân mình làm giá súng.			
7	Chiến sĩ Phan Đình Giót lấy thân mình lấp lỗ châu mai.			

8	Chiến dịch Đường 9 - Nam Lào.			
9	Anh hùng liệt sĩ Nguyễn Viết Xuân hô khẩu hiệu: "Nhằm thẳng quân thù mà bắn".			
10	Quân đội nhân dân Việt Nam làm nhiệm vụ gìn giữ hoà bình Liên hợp quốc tại Cộng hoà Nam Sudan.			
11	Chị Võ Thị Sáu hô khẩu hiệu: "Đả đảo thực dân Pháp!", "Kháng chiến nhất định thắng lợi!" trước khi hi sinh.			
12	Chiến thắng Ấp Bắc.			
13	Chiến dịch Tây Nguyên.			
14	Chiến dịch Hồ Chí Minh.			
15	Bác Hồ nói chuyện với cán bộ, chiến sĩ Đại đoàn 308.			
16	Chủ tịch Hồ Chí Minh ra lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến.			
17	Hiệp định Giơnevơ về Đông Dương.			
18	Hiệp định Paris về Việt Nam.			
19	Quân tình nguyện Việt Nam giúp nhân dân Campuchia thoát khỏi nạn diệt chủng.			
20	Chiến thắng đồn Phay Khắt, Nà Ngần.			

12. Truyền thống thứ ba của Quân đội nhân dân Việt Nam: "Gắn bó máu thịt với nhân dân, quân với dân một ý chí". Em hiểu truyền thống này như thế nào?

13. Có ý kiến cho rằng: "Quân đội nhân dân Việt Nam và Công an nhân dân Việt Nam như anh em sinh đôi; cùng chung sức xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa". Em có đồng ý với ý kiến trên không? Tại sao?

BÀI 2

NỘI DUNG CƠ BẢN MỘT SỐ LUẬT VỀ QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH VIỆT NAM

1. Mục tiêu Giáo dục quốc phòng và an ninh cho công dân là

A. phát huy tinh thần yêu thương con người.

B. nâng cao sức mạnh chiến đấu của quân đội.

C. tăng cường tinh thần đoàn kết dân tộc.

D. nâng cao ý thức, trách nhiệm bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

2. Giáo dục quốc phòng và an ninh ở trường Trung học phổ thông bảo đảm cho học sinh

A. có hiểu biết ban đầu về nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân.

B. có kiến thức về nghệ thuật quân sự thế giới.

C. có kiến thức cơ bản về quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về quốc phòng và an ninh.

D. có tinh thần tự hào, tự tôn dân tộc.

3. Em hãy tìm hiểu và kể tên những hành vi bị nghiêm cấm trong Giáo dục quốc phòng và an ninh.

4. Em hãy tìm hiểu và kể tên các hình thức phổ biến kiến thức quốc phòng và an ninh ở địa phương em sinh sống.

5. Chức năng của sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam là

A. chiến đấu, hi sinh bảo vệ Tổ quốc.

B. bảo đảm cho quân đội sẵn sàng chiến đấu và hoàn thành mọi nhiệm vụ được giao.

C. bảo vệ tính mạng, tài sản, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân.

D. thường xuyên chăm lo lợi ích vật chất và tinh thần của bộ đội.

6. Nội dung nào thể hiện nghĩa vụ, nội dung nào thể hiện trách nhiệm của sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam?

a) Tham gia xây dựng đất nước, bảo vệ tài sản và lợi ích của Nhà nước, của cơ quan, tổ chức.

b) Lãnh đạo, chỉ huy, quản lí, tổ chức thực hiện mọi nhiệm vụ của đơn vị theo chức trách được giao.

c) Nghiêm chỉnh chấp hành điều lệnh, điều lệ, chế độ, quy định của quân đội.

d) Chịu trách nhiệm trước pháp luật và cấp trên về những mệnh lệnh của mình.

e) Tôn trọng và gắn bó mật thiết với nhân dân.

g) Bảo đảm cho đơn vị chấp hành triệt để đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

7. Chức năng của công an nhân dân là

A. lực lượng vũ trang nhân dân làm nòng cốt trong thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia.

B. thực hiện quản lí nhà nước về bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội.

C. tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, nhân dân, với Đảng và Nhà nước.

D. phối hợp có hiệu quả hoạt động an ninh với hoạt động quốc phòng và đối ngoại.

8. Nội dung nào **không** thể hiện đúng nghĩa vụ, trách nhiệm của sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ công an nhân dân?

A. Trung thực, dũng cảm, cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu, hoàn thành mọi nhiệm vụ được giao.

B. Tận tuỵ phục vụ nhân dân, kính trọng, lễ phép đối với nhân dân.

C. Đấu tranh phòng, chống âm mưu, hoạt động của các thế lực thù địch.

D. Rèn luyện phẩm chất cách mạng, ý thức tổ chức kỉ luật và thể lực.

9. Hà và các bạn đang thảo luận về điều kiện để trở thành sĩ quan Quân đội và Công an nhân dân Việt Nam. Có ý kiến cho rằng, phải có đủ các điều kiện về phẩm chất, đạo đức, sức khoẻ mới được đăng kí tuyển sinh vào các học viện, trường đào tạo sĩ quan; ý kiến khác cho rằng, sinh viên tốt nghiệp xuất sắc ở các cơ sở giáo dục đại học cũng có thể được tuyển trở thành sĩ quan.

Em sẽ đưa ra ý kiến như thế nào để các bạn hiểu rõ về điều kiện tuyển chọn vào sĩ quan Quân đội và Công an nhân dân Việt Nam.

BÀI 3

MA TUÝ, TÁC HẠI CỦA MA TUÝ

1. Người nghiện ma tuý đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi bị đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc khi thuộc trường hợp nào sau đây?

A. Không đăng kí, không thực hiện hoặc tự ý chấm dứt cai nghiện ma tuý tự nguyện.

B. Trong thời gian cai nghiện ma tuý tự nguyện bị phát hiện sử dụng trái phép chất ma tuý.

C. Người nghiện ma tuý các chất dạng thuốc phiện không đăng kí, không thực hiện hoặc tự ý chấm dứt điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế hoặc bị chấm dứt điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế do vi phạm quy định về điều trị nghiện.

D. Cả A, B và C.

2. Trách nhiệm của gia đình người nghiện ma tuý trong công tác cai nghiện ma tuý là gì?

A. Hỗ trợ người nghiện ma tuý trong quá trình cai nghiện ma tuý, sau cai nghiện ma tuý và hoà nhập cộng đồng.

B. Phối hợp với cơ quan, người có thẩm quyền trong việc lập hồ sơ áp dụng biện pháp cai nghiện ma tuý bắt buộc.

C. Phối hợp với cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan hỗ trợ người nghiện ma tuý trong quá trình cai nghiện ma tuý, quản lí sau cai nghiện ma tuý và hoà nhập cộng đồng.

D. Cả A, B và C.

3. Cộng đồng nơi người nghiện ma tuý cư trú có trách nhiệm

A. động viên, giúp đỡ người nghiện ma tuý.

B. phối hợp với cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan hỗ trợ người nghiện ma tuý trong quá trình cai nghiện ma tuý, quản lí sau cai nghiện ma tuý và hoà nhập cộng đồng.

C. theo dõi, giám sát chặt chẽ người nghiện ma tuý.

D. Cả A và B.

4. Có những hình thức sử dụng trái phép chất ma tuý nào dưới đây?

a) Uống.

b) Hút.

c) Hít.

d) Tiêm.

5. Kể tên các điều luật quy định tội phạm về ma tuý được quy định trong Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi 2017.

6. Học sinh có trách nhiệm gì trong phòng, chống ma tuý?

A. Tham gia học tập kiến thức về phòng, chống ma tuý.

B. Chấp hành các quy định của nhà trường trong phòng ngừa, ngăn chặn học sinh sử dụng ma tuý.

C. Chấp hành các quy định của pháp luật về phòng, chống ma tuý.

D. Cả A, B và C.

7. Trách nhiệm của cơ sở giáo dục trong phòng, chống ma tuý là gì?

A. Tổ chức thực hiện chương trình giáo dục về phòng, chống ma tuý; phổ biến, giáo dục pháp luật về phòng, chống ma tuý cho học sinh, sinh viên; quản lí chặt chẽ, ngăn chặn học sinh, sinh viên, học viên vi phạm pháp luật về phòng, chống ma tuý.

B. Phối hợp với gia đình, cơ quan, tổ chức và chính quyền địa phương để quản lí, giáo dục học sinh, sinh viên, học viên vi phạm pháp luật về phòng, chống ma tuý.

C. Phối hợp với cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền tổ chức xét nghiệm chất ma tuý trong cơ thể khi cần thiết để phát hiện học sinh, sinh viên, học viên sử dụng trái phép chất ma tuý.

D. Cả A, B và C.

8. Trong lớp em có bạn Nguyễn Văn Nam, là một học sinh giỏi, ngoan của lớp. Tuy nhiên, thời gian gần đây Nam có dấu hiệu mệt mỏi, lực học giảm sút, ngại tham gia các hoạt động chung của lớp. Qua thông tin của các bạn trong lớp được biết Nam có biểu hiện sử dụng chất ma tuý. Là bạn của Nam, em cần phải làm gì để giúp đỡ Nam?

BÀI 4

PHÒNG, CHỐNG VI PHẠM PHÁP LUẬT VỀ TRẬT TỰ AN TOÀN GIAO THÔNG

1. Trên đường giao thông, khi hiệu lệnh của người điều khiển giao thông trái với hiệu lệnh của đèn hoặc biển báo thì người tham gia giao thông phải chấp hành theo hiệu lệnh nào?

A. Hiệu lệnh của biển báo hiệu.

B. Hiệu lệnh của đèn tín hiệu.

C. Hiệu lệnh của người điều khiển giao thông.

D. Hiệu lệnh của vạch kẻ đường.

2. Người điều khiển xe mô tô hai bánh, ba bánh có dung tích xi lanh từ 50 cm^3 trở lên phải đủ bao nhiêu tuổi?

A. 16 tuổi. B. 18 tuổi. C. 20 tuổi. D. 17 tuổi.

3. Người tham gia giao thông đi như thế nào là đúng quy tắc giao thông?

A. Đi bên phải theo chiều đi của mình.

B. Đi đúng phần đường quy định.

C. Chấp hành hệ thống báo hiệu đường bộ.

D. Cả A, B và C.

4. Người điều khiển xe mô tô dưới 50 cm^3 bắt buộc phải có giấy tờ gì?

A. Giấy phép lái xe. B. Chứng nhận đăng kí xe.

C. Bảo hiểm dân sự. D. Cả B và C.

5. Hành vi nào sau đây người tham gia giao thông được phép thực hiện?

A. Điều khiển xe cơ giới không có giấy phép lái xe theo quy định.

B. Giao xe cơ giới, xe máy chuyên dùng cho người không đủ điều kiện để điều khiển xe tham gia giao thông đường bộ.

C. Chở theo hai người trên xe mô tô, xe gắn máy đi cấp cứu.

D. Điều khiển xe mô tô hai bánh tham gia giao thông khi chưa đủ 18 tuổi.

6. Nối hình với thông tin phù hợp.

I 

II 

III 

IV 

V 

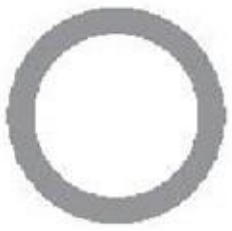
VI 

VII 

VIII 

1. Hết tốc độ tối đa cho phép.
2. Lên dốc nguy hiểm.
3. Hết tất cả các lệnh cấm.
4. Cấm đỗ xe ngày lẻ.
5. Nhường đường cho xe cơ giới đi ngược chiều qua.
6. Cấm dừng xe và đỗ xe.
7. Đường có gờ giảm tốc.
8. Các xe chỉ được đi thẳng và rẽ trái.
9. Kè vực sâu bên đường phía bên phải.
10. Đường cấm.
11. Cấm đỗ xe.
12. Cấm đi ngược chiều.
13. Các xe chỉ được rẽ trái và rẽ phải.
14. Các xe chỉ được rẽ trái.
15. Cửa chui.
16. Hết cấm vượt.

IX 

X 

XI 

XII 

XIII 

XIV 

XV 

XVI 

7. Hằng ngày, Nguyễn Văn A là học sinh lớp 11 chở em trai Nguyễn Văn B là học sinh lớp 9 đi học cùng bằng xe gắn máy. Do tò mò và muốn khám phá nên B xin A được điều khiển xe gắn máy, chở A đến trường. A đã đồng ý để B thực hiện mong muốn của mình. Theo em, trong trường hợp này, ai vi phạm pháp luật về trật tự, an toàn giao thông? Vì sao?



BẢO VỆ AN NINH QUỐC GIA VÀ BẢO ĐẢM TRẬT TỰ, AN TOÀN XÃ HỘI

1. Nguyên tắc tổ chức, hoạt động của công an nhân dân là gì?

   A. Đặt dưới sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng Cộng sản Việt Nam, sự thống lĩnh của Chủ tịch nước, sự thống nhất Quản lí nhà nước của Chính phủ và sự chỉ huy, Quản lí trực tiếp của Bộ trưởng Bộ Công an.

   B. Được tổ chức tập trung, thống nhất, chuyên sâu, tinh gọn và theo cấp hành chính từ trung ương đến cơ sở.

   C. Tuân thủ Hiến pháp và pháp luật; cấp dưới phục tùng cấp trên; dựa vào nhân dân và chịu sự giám sát của nhân dân; bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

   D. Cả A, B và C.

2. Em hãy trình bày nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia.

3. Hãy nêu những việc sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ công an nhân dân không được làm.

4. Hãy nêu một số hoạt động của người dân địa phương em góp phần bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội.

5. Nguyên tắc hoạt động bảo vệ an ninh quốc gia là gì?

A. Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật, bảo đảm lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

B. Đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, sự quản lí thống nhất của Nhà nước; huy động sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị và toàn dân tộc, lực lượng chuyên trách bảo vệ an ninh quốc gia làm nòng cốt.

C. Kết hợp chặt chẽ giữa nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia với nhiệm vụ xây dựng, phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội; phối hợp có hiệu quả hoạt động an ninh, quốc phòng và đối ngoại.

D. Chủ động phòng ngừa, đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu và hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia.

E. Cả A, B, C và D.

6. Cơ quan chuyên trách bảo vệ an ninh quốc gia bao gồm

A. cơ quan chỉ đạo, chỉ huy và các đơn vị an ninh, tình báo, cảnh vệ công an nhân dân.

B. cơ quan chỉ đạo, chỉ huy và các đơn vị bảo vệ an ninh quân đội, tình báo quân đội nhân dân.

C. Bộ đội biên phòng, cảnh sát biển là cơ quan chuyên trách bảo vệ an ninh quốc gia ở khu vực biên giới trên đất liền và khu vực biên giới trên biển.

D. Cả A, B và C.

7. Trách nhiệm của cơ quan chuyên trách bảo vệ an ninh quốc gia là gì?

A. Tiến hành các hoạt động bảo vệ an ninh quốc gia trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định của pháp luật.

B. Tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân; trong trường hợp vì yêu cầu bảo vệ an ninh quốc gia phải hạn chế các quyền và lợi ích đó thì phải được người có thẩm quyền quyết định.

C. Giữ bí mật về sự giúp đỡ của cơ quan, tổ chức, cá nhân đối với công tác bảo vệ an ninh quốc gia.

D. Cả A, B và C.

8. Hãy nêu trách nhiệm của Bộ Quốc phòng trong quản lí nhà nước về an ninh quốc gia.

9. Dũng được Nam, bạn học cùng lớp mời đến dự sinh nhật lần thứ mười sáu của mình tại một nhà hàng trên địa bàn. Tại buổi sinh nhật có khoảng 10 bạn nam cùng lớp đến dự. Sau khi cắt bánh sinh nhật mời mọi người, Dũng lấy trong người ra một gói nhỏ, trong gói có một số viên dạng nén, màu hồng. Dũng đề nghị với mọi người cho các viên này vào đồ uống để tăng thêm mùi thơm, nồng độ ga và hưng phấn cho người uống. Nam và các bạn đều bất ngờ và chưa biết phản ứng như thế nào trước đề xuất của Dũng.

   Nếu là bạn của Dũng, em xử lí tình huống trên như thế nào?



MỘT SỐ HIỂU BIẾT VỀ AN NINH MẠNG

1. Hãy nêu một số mạng xã hội mà em thường sử dụng. Em thường dùng thiết bị điện tử gì để đăng nhập vào các mạng xã hội đó?

2. Em thường dùng những ứng dụng gì trên Internet để phục vụ học tập? Hãy nêu những mặt tích cực và mặt trái của những ứng dụng đó đối với cuộc sống.

3. Nêu những thông tin mà em cần hạn chế đưa lên mạng xã hội.

4. Khi tham gia các hoạt động trên không gian mạng em cần chú ý những điều gì?

5. Luật An ninh mạng có hiệu lực từ ngày nào?

   A. Ngày 01/01/2019. B. Ngày 01/07/2018.

   C. Ngày 31/12/2018. D. Ngày 01/07/2019.

6. Luật An ninh mạng có cấm người sử dụng Internet truy cập các trang mạng xã hội của nước ngoài hay không?

   A. Có. B. Không.

7. Điều 8 Luật An ninh mạng quy định mấy nhóm hành vi bị nghiêm cấm?

A. 3 nhóm.

B. 4 nhóm.

C. 5 nhóm.

D. 6 nhóm.

8. Theo khoản 11, Điều 2 Luật An ninh mạng thì tài khoản số là thông tin dùng để làm gì?

A. Chứng thực, xác thực, bảo đảm, phân quyền sử dụng các ứng dụng, dịch vụ trên không gian mạng.

B. Chứng thực, xác thực, phân quyền sử dụng các ứng dụng, dịch vụ trên không gian mạng.

C. Phân quyền sử dụng các ứng dụng, dịch vụ trên không gian mạng.

D. Xác thực để sử dụng thông tin và các dịch vụ trên không gian mạng, được cơ quan có thẩm quyền số hoá.

9. Giả sử em có một người bạn thường dành nhiều thời gian buổi tối vào mạng xã hội để đọc các bài viết và tán gẫu. Em hãy viết một bức thư (khoảng 200 từ) để nhắn nhủ bạn về những nguy cơ mất an toàn thông tin và ảnh hưởng tới sức khoẻ, tâm lí khi dành quá nhiều thời gian tham gia mạng xã hội.

10. Anh D là một chuyên gia về an ninh mạng. Anh được biết Luật An ninh mạng đã được ban hành và quy định về hoạt động bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trên không gian mạng. Theo em, anh D có được tham gia vào lực lượng bảo vệ an ninh mạng không?

11. Hai bạn A và B đã lập ra nhiều tài khoản mạng xã hội ảo để bán điện thoại qua mạng. Hai bạn chụp ảnh những chiếc điện thoại đời mới và lấy những hình ảnh trên mạng để đăng bán với giá rẻ hơn so với giá thị trường. Đến lúc giao hàng, hai bạn đã bỏ một hộp khẩu trang y tế thay vì điện thoại. Sau đó, hai bạn xoá tài khoản với mục đích khách hàng sau khi phát hiện sẽ không liên lạc được. Việc làm của A và B như trên có vi phạm pháp luật hay không? Nếu có, các mức xử phạt như thế nào?

BÀI 7

THƯỜNG THỨC PHÒNG TRÁNH MỘT SỐ LOẠI BOM, MÌN, ĐẠN, VŨ KHÍ HOÁ HỌC, VŨ KHÍ SINH HỌC, VŨ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO, THIÊN TAI, DỊCH BỆNH VÀ CHÁY NỔ

1. Tác hại nào **không** phải do bom, mìn gây ra?

A. Gây lũ lụt, sạt lở đất, đá.

B. Sát thương người, súc vật.

C. Phá hoại làng mạc, thành phố.

D. Ngăn chặn giao thông và phá hoại các phương tiện vận chuyển.

2. Ý nào **không** phải là biện pháp phòng, tránh tác hại của bom, mìn?

A. Tổ chức trinh sát, phát hiện địch đánh bom.

B. Nguỵ trang, nghi binh.

C. Lợi dụng bờ ruộng, gốc cây, mô đất.

D. Tập trung ở trường học.

3. Hiện nay, nhiều địa phương ở Việt Nam còn sót lại rất nhiều bom, mìn và vật liệu chưa nổ sau chiến tranh. Khi sinh sống hoặc đến những nơi đó, em cần làm những gì để phòng tránh tác hại của bom, mìn và vật liệu chưa nổ gây ra?

4. Tác hại nào **không** phải do vũ khí hoá học gây ra?

A. Phá huỷ môi trường sinh thái.

B. Phá huỷ công trình.

C. Gây nhiễm độc địa hình.

D. Gây hoang mang, khủng bố tinh thần chiến đấu của đối phương.

5. Vũ khí hoá học gây tác hại cho người qua con đường nào dưới đây?

A. Ăn, uống.

B. Tiếp xúc với người nhiễm bệnh.

C. Hít thở không khí nhiễm độc.

D. Cả A, B và C.

6. Em hãy tìm hiểu và kể tên những loại chất độc mà quân địch đã sử dụng trong chiến tranh Việt Nam và tác hại của chúng gây ra.

7. Tác hại nào **không** phải do vũ khí sinh học gây ra?

A. Gây bệnh truyền nhiễm cho người, động vật.

B. Làm ô nhiễm môi trường sinh thái.

C. Phá huỷ vũ khí trang bị, phương tiện kĩ thuật đối phương.

D. Gây ra nạn đói.

8. Bệnh nào do vũ khí sinh học gây ra?

A. Bệnh thương hàn.

B. Bệnh viêm não Nhật Bản.

C. Bệnh đậu mùa.

D. Cả A, B và C.

9. Đặc điểm nào là của vũ khí công nghệ cao?

A. Có độ chính xác cao, uy lực lớn.

B. Hoạt động trong mọi điều kiện thời tiết.

C. Nhận biết được địa hình, nhớ được toạ độ mục tiêu.

D. Cả A, B và C.

10. Em hãy kể tên một số loại vũ khí công nghệ cao.

11. Ở vùng nào của Việt Nam thường xảy ra lũ quét?

A. Sông, suối miền núi có địa hình bị chia cắt mạnh.

B. Vùng hạ lưu các con sông lớn, địa hình thấp.

C. Chỉ có ở những con sông lớn ở nước ta.

D. Địa hình trũng, có ít các cửa sông đổ ra biển.

12. Đồng bằng sông Cửu Long nước ta bị đe doạ bởi những thiên tai nào?

A. Ngập lụt, hạn hán, động đất, cháy rừng và bão nhiệt đới.

B. Hạn hán, xâm nhập mặn, triều cường, sạt lở bờ sông.

C. Lũ quét, sạt lở đất, sương muối, rét hại.

D. Bão nhiệt đới, lũ ống, ngập lụt.

13. Việc thông tin, truyền thông và giáo dục về phòng, chống thiên tai được thực hiện bằng những hình thức nào?

A. Xây dựng tài liệu chuyên đề, tạp chí, tờ rơi, trong đó có tài liệu bằng tiếng dân tộc.

B. Lồng ghép kiến thức phòng, chống thiên tai vào chương trình các cấp học.

C. Tổ chức diễn đàn về phòng, chống thiên tai để chia sẻ thông tin và kinh nghiệm về phòng, chống thiên tai.

D. Cả A, B và C.

14. Việc làm nào **không** thể hiện nghĩa vụ của cá nhân trong phòng, chống thiên tai?

A. Chủ động dự trữ lương thực, nước uống.

B. Nhận hỗ trợ lương thực, thực phẩm của các tổ chức, cá nhân.

C. Tham gia hỗ trợ cộng đồng phòng, chống thiên tai.

D. Chủ động giúp đỡ người bị thiệt hại do thiên tai tại địa phương.

15. Em hãy kể tên những công trình phòng, chống thiên tai ở địa phương em sinh sống.

16. Em hãy xếp các nội dung sau thành hai nhóm: phòng bệnh truyền nhiễm và chống dịch.

a) Giám sát tác nhân gây bệnh truyền nhiễm và trung gian truyền bệnh.

b) Vệ sinh, diệt trùng, tẩy uế trong vùng có dịch.

c) Sử dụng vắc xin, sinh phẩm y tế.

d) Cấm tập trung đông người và các hoạt động khác có nguy cơ làm lây truyền bệnh.

e) Thực hiện các biện pháp phòng lây nhiễm dịch bệnh ở các cơ sở y tế ra cộng đồng.

g) Cấm người, phương tiện không có nhiệm vụ vào ổ dịch.

17. Những hành vi nào bị nghiêm cấm trong phòng, chống dịch bệnh?

A. Cố ý làm lây lan tác nhân gây bệnh truyền nhiễm.

B. Che giấu, không khai báo hoặc khai báo không kịp thời các trường hợp mắc bệnh truyền nhiễm theo quy định của pháp luật.

C. Phân biệt đối xử và đưa hình ảnh, thông tin tiêu cực về người mắc bệnh truyền nhiễm.

D. Cả A, B và C.

18. Các bệnh truyền nhiễm được chia làm 3 nhóm: Nhóm A gồm các bệnh truyền nhiễm đặc biệt nguy hiểm có khả năng lây truyền rất nhanh, phát tán rộng và tỉ lệ tử vong cao hoặc chưa rõ tác nhân gây bệnh. Nhóm B gồm các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm có khả năng lây truyền nhanh và có thể gây tử vong. Nhóm C gồm các bệnh truyền nhiễm ít nguy hiểm, khả năng lây truyền không nhanh.

Em hãy tìm hiểu và kể tên các bệnh theo từng nhóm.

19. Em vừa đi cùng chuyến bay/ô tô/toa tàu hoặc ở cùng phòng học với một người vừa được xác định mắc bệnh truyền nhiễm. Em sẽ làm những gì để bảo đảm an toàn?

20. Trách nhiệm phòng cháy và chữa cháy là của ai?

A. Cảnh sát phòng cháy chữa cháy.

B. Lực lượng dân phòng.

C. Mỗi cơ quan, tổ chức, hộ gia đình và cá nhân.

D. Lực lượng phòng cháy chữa cháy chuyên ngành.

21. Nội dung nào thể hiện biện pháp cơ bản trong chữa cháy?

A. Thống nhất chỉ huy, điều hành trong chữa cháy.

B. Tập trung cứu người, cứu tài sản và chống lây lan.

C. Huy động nhanh nhất các lực lượng, phương tiện để dập ngay đám cháy.

D. Cả A, B và C.

22. Em sẽ thực hiện như thế nào khi được lệnh huy động tham gia cứu chữa đám cháy?

A. Nhanh chóng tiếp cận đám cháy và thực hiện theo chỉ dẫn của lực lượng chữa cháy cơ sở.

B. Nhanh chóng nhận lệnh, sử dụng các dụng cụ chữa cháy và thực hiện theo sự chỉ dẫn của lực lượng chữa cháy chuyên nghiệp.

C. Nhanh chóng tiếp cận đám cháy để cứu người.

D. Nhanh chóng tiếp cận đám cháy, sử dụng các dụng cụ tham gia chữa cháy.

23. Khi xảy ra đám cháy, em quan sát có bình chữa cháy CO_2 ở gần đó. Em sẽ sử dụng bình chữa cháy như thế nào để dập tắt đám cháy?

BÀI 8

MỘT SỐ NỘI DUNG ĐIỀU LỆNH QUẢN LÝ BỘ ĐỘI VÀ ĐIỀU LỆNH CÔNG AN NHÂN DÂN

1. a) Theo Điều lệnh Quản lý bộ đội, khi thực hiện nhiệm vụ quân nhân xưng hô với nhau như thế nào?

   b) Trong mọi trường hợp, quân nhân nào nhìn thấy trước phải chào trước có đúng Điều lệnh Quản lý bộ đội không? Vì sao?

2. Những ý nào dưới đây là đúng khi nói về phong cách quân nhân?

   a) Đầu tóc phải gọn gàng, không xăm chàm trên thân thể.

   b) Chỉ được nhuộm tóc khác màu đen.

   c) Nam quân nhân tóc mai, tóc gáy cắt ngắn, không để râu.

   d) Nữ quân nhân khi mặc trang phục phải búi tóc sang hai bên.

   e) Đi, đứng phải giữ đúng tư thế, tác phong quân nhân.

   g) Cấm uống rượu, bia trong khi thực hiện nhiệm vụ.

   h) Cấm uống say rượu, bia ở mọi lúc, mọi nơi.

   i) Cấm hút thuốc lá trong mọi trường hợp.

3. Theo Điều lệnh Công an nhân dân, ngoài giờ làm việc, cán bộ, chiến sĩ công an nhân dân xưng hô với nhau như thế nào?

4. Trong mọi trường hợp "Cán bộ, chiến sĩ công an nhân dân người nào tuổi đời thấp hơn phải chào trước,..." có đúng Điều lệnh không? Vì sao?

5. Những ý nào dưới đây là đúng khi nói về điều cấm đối với cán bộ, chiến sĩ công an nhân dân?

   a) Cấm đeo kính màu đen khi giải quyết công việc trong mọi trường hợp.

   b) Cấm đeo kính màu đen khi trực tiếp giải quyết công việc với người khác.

   c) Cấm để tay vào túi quần hoặc túi áo khi làm nhiệm vụ.

   d) Cấm để tay vào túi quần hoặc túi áo trong mọi trường hợp.

   e) Cấm nhuộm tóc khác màu đen.

   g) Móng tay, móng chân không để dài và không sơn màu.

h) Cấm uống rượu, bia và các chất có cồn trước, trong giờ làm việc, vào bữa ăn giữa ca trong ngày làm việc, ngày trực.

i) Cấm uống rượu, bia say trong mọi trường hợp, mọi lúc, mọi nơi.

k) Cấm hút thuốc lá trong mọi trường hợp.

l) Cấm đánh bạc dưới mọi hình thức; mê tín, bói toán.

6. Em sẽ vận dụng kiến thức đã học vào sinh hoạt học tập như thế nào?

7. Em hãy viết một đoạn văn trình bày cảm nghĩ của mình sau khi được học Điều lệnh Quản lí bộ đội và Điều lệnh Công an nhân dân.



ĐỘI NGŨ TỪNG NGƯỜI KHÔNG CÓ SÚNG

1. Khi đang ở tư thế nghiêm, phương án nào là **sai**?
   A. Hai gót chân đặt sát nhau nằm trên một đường thẳng.
   B. Sức nặng toàn thân dồn vào chân phải.
   C. Hai bàn chân mở rộng 45° tính từ mép trong hai bàn chân.
   D. Năm ngón tay khép lại cong tự nhiên.

2. Khi đang ở tư thế nghỉ, phương án nào là **sai**?
   A. Hai gót chân đặt sát nhau nằm trên một đường thẳng.
   B. Hai bàn chân mở rộng 45° tính từ mép trong hai bàn chân.
   C. Sức nặng toàn thân dồn đều vào hai chân.
   D. Năm ngón tay khép lại cong tự nhiên.

3. Nội dung nào sau đây **không** phải điểm chú ý của động tác nghiêm?
   A. Người không động đậy, không lệch vai.
   B. Mắt nhìn thẳng.
   C. Không làm việc riêng.
   D. Nét mặt tươi vui, nghiêm túc.

4. Trường hợp nào phải đổi chân khi đi đều?

A. Khi cần bước nhanh hơn.

B. Để nhịp đi đều hơn, đẹp hơn.

C. Đổi chân theo lệnh của chỉ huy.

D. Đi sai nhịp đi chung trong phân đội.

5. Tại sao phải đổi chân khi đang đi đều?

A. Để chân đỡ mỏi.

B. Nhằm giữ khoảng cách với người đi trước.

C. Để thống nhất nhịp đi chung trong phân đội.

D. Để phục tùng mệnh lệnh người chỉ huy.

6. Ý nghĩa của động tác chạy đều là gì?

A. Để chạy được nhanh.

B. Khi vận động trong điều kiện địa hình bằng phẳng được thuận tiện.

C. Khi di chuyển xa được nhanh chóng, trật tự và thống nhất.

D. Khi di chuyển cự li dưới 5 bước được nhanh chóng, trật tự và thống nhất.

7. Nội dung nào sau đây **không** phải điểm chú ý của động tác chạy đều?

A. Tay đánh ra phía trước chếch đúng độ, không đánh tay lên cao hoặc chúc xuống, không ôm bụng.

B. Chạy bằng mũi bàn chân, không chạy bằng cả bàn chân.

C. Thân người ngay ngắn, mắt nhìn thẳng.

D. Chạy bằng cả bàn chân.

8. Khi chào báo cáo cấp trên, khi nào người chào được bỏ tay xuống?

A. Khi cấp trên chào đáp lễ xong.

B. Khi cấp trên cho phép bỏ tay xuống.

C. Phải giữ nguyên động tác trước cấp trên sau khi chào.

D. Khi báo cáo hết nội dung.

9. Nội dung nào sau đây **không** phải điểm chú ý của động tác chào?

A. Khi đưa tay chào, đưa thẳng, không đưa vòng, năm ngón tay khép sát nhau (nhất là ngón cái và ngón út).

B. Bàn tay và cánh tay dưới thành một đường thẳng, lòng bàn tay không ngửa quá.

C. Động tác đưa tay lên, bỏ tay xuống phải nhanh, mạnh, dứt khoát và chuẩn xác.

D. Khi đưa tay lên phải từ từ.

10. Ý nghĩa của động tác quay tại chỗ là gì?

A. Để đổi hướng được nhanh.

B. Để đổi hướng nhanh chóng, chính xác, giữ được vị trí đứng.

C. Để thực hiện lệnh của người chỉ huy một cách chính xác.

D. Để nhanh chóng đổi đội hình, giữ được đúng hướng.

11. Động tác quay tại chỗ được sử dụng khi nào?

A. Khi có ý định thay đổi hướng và vị trí.

B. Khi cần thực hiện lệnh của người chỉ huy một cách chính xác.

C. Khi cần đổi hướng nhưng vẫn giữ được vị trí đứng.

D. Khi phải nhanh chóng đổi đội hình, nhưng giữ đúng hướng.

12. Nội dung nào **không** phải điểm chú ý của động tác quay tại chỗ?

A. Khi nghe dự lệnh, người không chuẩn bị lấy đà trước để quay.

B. Khi đưa chân trái (phải) lên không đưa ngang để dập gót.

C. Quay sang hướng mới, sức nặng toàn thân dồn vào chân làm trụ, chân trụ và thân người thẳng, chân còn lại đứng bằng mũi bàn chân.

D. Người ngay ngắn.

13. Khi quay đằng sau cần phải quay như thế nào?

A. Đưa chân trái về sau, xoay người sang trái về sau 180^{o} theo chiều kim đồng hồ.

B. Lấy hai mũi chân phải làm trụ, xoay người sang trái về sau 180^{o}.

C. Lấy gót chân phải và mũi chân trái làm trụ, xoay người sang trái về sau 180^{o}.

D. Lấy gót chân trái và mũi chân phải làm trụ, xoay người sang trái về sau 180^{o}.

14. Điểm chú ý nào sau đây **không** phải của động tác chào?

A. Khi đưa tay chào, đưa thẳng, không đưa vòng, năm ngón tay khép sát nhau (nhất là ngón cái và ngón út).

B. Khi đưa tay lên nhanh, bỏ tay xuống chậm.

C. Bàn tay và cánh tay dưới thành một đường thẳng, lòng bàn tay không ngửa quá.

D. Động tác đưa tay lên, bỏ tay xuống phải nhanh, mạnh, dứt khoát và chuẩn xác.

15. Động tác chào **không** có điểm chú ý nào sau đây?

A. Khi chào không nghiêng đầu, không cười đùa, liếc mắt hoặc nhìn đi nơi khác.

B. Khi nhìn bên phải (trái) chào hoặc thay đổi hướng chào không xoay vai hoặc đưa tay theo vành mũ.

C. Khi mang găng tay vẫn chào bình thường (khi bắt tay mới bỏ găng tay ra).

D. Xoay vai về hướng cấp trên.

16. Khẩu lệnh động tác chào (khi luyện tập cơ bản) có:

A. Dự lệnh "Chào".

B. Động lệnh "Chào".

C. Dự và động lệnh "Chào".

D. Dự lệnh và động lệnh "Nhìn bên phải (trái) – Chào".

17. Để đổi hướng nhanh chóng, chính xác, nhưng vẫn giữ được vị trí đứng phải có động tác nào?

A. Vừa giậm chân vừa đổi hướng.

B. Đổi hướng trong khi giậm chân.

C. Động tác quay tại chỗ.

D. Đi đều và thực hiện đổi hướng.

18. Tiến, lùi, qua phải, qua trái vận dụng trong trường hợp nào?

A. Di chuyển cự li ngắn từ 4 bước trở lại.

B. Di chuyển cự li ngắn từ 5 bước trở lại.

C. Di chuyển cự li ngắn từ 6 bước trở lại.

D. Di chuyển cự li ngắn từ 7 bước trở lại.

19. Khi tiến, lùi, độ dài mỗi bước chân (đối với học sinh) là bao nhiêu cm?

A. 75 cm. B. 70 cm.

C. 65 cm. D. 60 cm.

20. Khi nghe dứt động lệnh "Bước", chiến sĩ trong hàng thực hiện bước chân nào lên trước?

A. Chân phải bước lên 1/2 bước, rồi đến chân trái bước tiếp theo.

B. Chân trái bước lên 1/2 bước, rồi đến chân phải bước tiếp theo.

C. Chân phải bước lên trước, rồi đến chân trái bước tiếp theo.

D. Chân trái bước lên trước, rồi đến chân phải bước tiếp theo.

21. Khi nghe dứt động lệnh "Bước", thực hiện động tác tiến như thế nào?

A. Chân trái bước lên cách chân phải 60 cm, sau đó đứng nghiêm rồi chân phải bước tiếp.

B. Chân phải bước lên cách chân phải 60 cm, sau đến chân trái bước tiếp cách chân trái 60 cm.

C. Chân phải bước lên cách chân phải 60 cm, sau đó đứng nghiêm rồi chân trái bước tiếp.

D. Chân trái bước lên trước rồi đến chân phải bước tiếp theo (độ dài bước như đi đều).

22. Khi thực hiện động tác tiến, lùi cần chú ý điểm gì?

A. Phải bước thật chính xác.

B. Tiến, lùi độ dài mỗi bước như đi đều.

C. Khi bước phải luôn quan sát đồng đội.

D. Khi bước hai tay khép sát người.

23. Động tác ngồi xuống, đứng dậy dùng khẩu lệnh nào dưới đây?

A. Dự lệnh "Ngồi xuống" và động lệnh "Đứng dậy".

B. Dự lệnh và động lệnh "Chuẩn bị – Ngồi xuống".

C. Dự lệnh và động lệnh "Chuẩn bị – Đứng dậy".

D. Chỉ có động lệnh "Ngồi xuống" hoặc "Đứng dậy".

24. Trong đội ngũ từng người không có súng, tốc độ khi chạy đều là bao nhiêu bước/phút?

A. 160 bước/ phút. B. 170 bước/ phút.

C. 180 bước/ phút. D. 190 bước/ phút.

25. Động tác giậm chân, bàn chân nhấc lên, mũi bàn chân cách mặt đất bao nhiêu cm?

A. 30 cm.
B. 40 cm.
C. 50 cm.
D. 60 cm.

26. Nội dung nào sau đây **không** phải điểm chú ý khi đi đều?

A. Cánh tay đánh ra phía sau thẳng tự nhiên.
B. Giữ đúng độ dài mỗi bước đi và tốc độ đi.
C. Liếc mắt hoặc quay nhìn xung quanh, quan sát.
D. Mắt nhìn thẳng, nét mặt vui tươi, phấn khởi.

27. Nội dung nào sau đây là điểm chú ý khi đi đều?

A. Khi đánh tay ra phía trước phải giữ thăng bằng.
B. Cánh tay đánh ra phía sau thẳng tự nhiên.
C. Chân phải, chân trái bước nhịp nhàng.
D. Nhìn xung quanh, quan sát.

28. Nội dung nào sau đây **không** phải là điểm chú ý của động tác quay tại chỗ?

A. Khi nghe dự lệnh, người không chuẩn bị lấy đà trước để quay.
B. Khi đưa chân trái (phải) lên không đưa ngang để dập gót.
C. Quay sang hướng mới, sức nặng toàn thân dồn vào chân không làm trụ.
D. Khi quay, hai tay vẫn giữ như khi đứng nghiêm, người không nghiêng ngả.

29. Nội dung nào sau đây **không** phải là điểm chú ý của động tác đổi chân khi đang đi?

A. Khi thấy mình đi sai với nhịp đi chung phải đổi chân ngay.
B. Khi đổi chân không nhảy cò, không kéo rê chân.
C. Tay, chân phối hợp nhịp nhàng.
D. Khi đổi chân phải bước thật nhanh.

30. Nội dung nào sau đây là điểm chú ý của động tác đổi chân khi đang đi?

A. Khi thấy mình đi sai với người đi trước.

B. Khi đổi chân không nhảy cò, không kéo rê chân.

C. Thân trên của người giữ ngay ngắn.

D. Khi đổi chân phải bước thật nhanh.

31. Những ý nào dưới đây là đúng?

a) Động tác nghiêm, khẩu lệnh: "Nghiêm", chỉ có động lệnh, không có dự lệnh.

b) Khi nghiêm, đầu ngón tay giữa đặt theo đường chỉ quần, đầu ngay, miệng ngậm, cằm hơi thu về sau, mắt nhìn thẳng.

c) Khi thực hiện động tác quay bên phải (trái) thân trên vẫn giữ ngay ngắn, hai đầu gối thẳng tự nhiên.

d) Động tác quay bên phải và quay bên trái thực hiện như nhau.

e) Động tác đi đều khẩu lệnh: "Bước", có dự lệnh, không có động lệnh.

g) Khi đi đều độ dài mỗi bước chân là 70 cm, (quân nhân là 80 cm).

h) Động tác đứng lại khi đi đều, khẩu lệnh: "Đứng lại – Đứng", có dự lệnh và động lệnh.

i) Động tác đổi chân khi đi đều có ba cử động.

k) Khi đang đi đều thấy mình đi sai với nhịp đi chung của phân đội thì phải đổi chân ngay.

l) Động tác đổi chân khi đang đi đều: Chân không nhảy cò, không kéo rê chân.

m) Khi thấy mình giậm chân sai so với nhịp giậm chân của phân đội, phải làm động tác đổi chân.

n) Động tác chào để biểu thị tính kỉ luật quân đội, thể hiện tinh thần đoàn kết, nếp sống văn minh, thống nhất hành động, biểu thị tư thế tác phong quân nhân, thể hiện nét đặc thù của quân đội.

o) Khi thực hiện động tác chào không cười đùa, liếc mắt hoặc nhìn đi nơi khác.

p) Khi thực hiện động tác chào, bàn tay và cánh tay dưới thành một đường thẳng, cánh tay trên nâng lên và ngang với thân người.

q) Khi thực hiện động tác chào cơ bản, tay phải đưa lên thật nhanh, đặt đầu ngón tay chạm vào giữa vành mũ.

32. Chiều nay theo lịch học, lớp 10A1 của Thái học nội dung Điều lệnh đội ngũ từng người không có súng. Tuy nhiên, bạn của Thái là Duy không muốn đi học vì cho rằng nội dung này không quan trọng. Thái nên nói thế nào để động viên Duy đến lớp?



ĐỘI NGŨ TIỂU ĐỘI

1. a) Nêu thứ tự các bước thực hiện đội hình tiểu đội 1 hàng ngang, làm rõ bước 1 "Tập hợp" và bước 2 "Điểm số".

b) Vẽ sơ đồ đội hình tiểu đội 1 hàng ngang.

c) Tự luyện tập các bước thực hiện đội hình tiểu đội 1 hàng ngang.

2. a) Nêu thứ tự các bước thực hiện đội hình tiểu đội 2 hàng ngang, làm rõ bước 2 "Chỉnh đốn hàng ngũ"; nêu điểm giống và khác nhau khi thực hiện đội hình tiểu đội 2 hàng ngang với đội hình tiểu đội 1 hàng ngang.

b) Vẽ sơ đồ đội hình tiểu đội 2 hàng ngang.

c) Tự luyện tập các bước thực hiện đội hình tiểu đội 2 hàng ngang.

3. a) Nêu thứ tự các bước thực hiện đội hình tiểu đội 1 hàng dọc, làm rõ bước 1 "Tập hợp" và bước 2 "Điểm số".

b) Vẽ sơ đồ đội hình tiểu đội 1 hàng dọc.

c) Tự luyện tập các bước thực hiện đội hình tiểu đội 1 hàng dọc.

4. a) Nêu thứ tự các bước thực hiện đội hình tiểu đội 2 hàng dọc, làm rõ bước 2 "Chỉnh đốn hàng ngũ"; nêu điểm giống và khác nhau khi thực hiện đội hình tiểu đội 2 hàng dọc với đội hình tiểu đội 1 hàng dọc.

   b) Vẽ sơ đồ đội hình tiểu đội 2 hàng dọc.

   c) Tự luyện tập các bước thực hiện đội hình tiểu đội 2 hàng dọc.

5. Ở cương vị tiểu đội trưởng hãy thực hiện đội hình tiểu đội 1, 2 hàng ngang; 1, 2 hàng dọc, sau đó chỉ huy tiểu đội tiến, lùi, qua phải, qua trái 3 bước.

6. Ở cương vị tiểu đội trưởng, hãy thực hiện đội hình tiểu đội 2 hàng ngang, sau đó gọi một số chiến sĩ thực hiện động tác ra khỏi hàng và về vị trí.

BÀI 11

CÁC TƯ THẾ, ĐỘNG TÁC CƠ BẢN VẬN ĐỘNG TRONG CHIẾN ĐẤU

1. a) Tại sao "Động tác đi khom cao" thường vận dụng khi ta còn ở tương đối xa địch, trong điều kiện địa hình có vật che khuất, che đỡ cao ngang tầm ngực hoặc đêm tối, trời mưa, sương mù?

   b) Tại sao khi đi khom, chân không đi nhún nhảy (mổ cò), đầu không nhấp nhô?

   c) Thực hiện động tác đi khom cao.

2. a) Trường hợp vận dụng của động tác bò cao là gì?

   A. Nơi địa hình có vật che khuất, che đỡ cao hơn tầm ngực.

   B. Nơi địa hình có vật che khuất, che đỡ cao hơn tư thế ngồi.

   C. Nơi địa hình có vật che khuất, che đỡ cao hơn tư thế nằm.

   D. Nơi địa hình có vật che khuất, che đỡ thấp hơn tư thế ngồi.

b) Nêu trường hợp vận dụng và thực hiện động tác bò cao hai chân một tay.

c) Nêu trường hợp vận dụng và thực hiện động tác bò cao hai chân hai tay.

3. a) Trường hợp vận dụng của động tác lê là gì?

A. Ở gần địch, địa hình có vật che đỡ, che khuất cao ngang tư thế ngồi, cần thu hẹp tiết diện cơ thể, vận động nhẹ nhàng.

B. Ở gần địch, địa hình có vật che đỡ, che khuất thấp hơn tư thế ngồi, cần thu hẹp tiết diện cơ thể, vận động nhẹ nhàng.

C. Ở gần địch, địa hình có vật che đỡ, che khuất cao hơn tư thế ngồi, cần thu hẹp tiết diện cơ thể, vận động nhẹ nhàng.

D. Ở xa địch, địa hình có vật che đỡ, che khuất cao hơn tư thế ngồi, cần thu hẹp tiết diện cơ thể, vận động nhẹ nhàng.

b) Tại sao khi thực hiện động tác lê, tay trái đặt về phía trước để di chuyển thân người với khoảng cách không quá dài hoặc quá ngắn, mông và đùi trái là là mặt đất, mắt phải luôn quan sát mục tiêu?

c) Thực hiện động tác lê.

4. a) Trường hợp vận dụng của động tác trườn là gì?

A. Khi gần sát địch, cần hạ thấp thân người; khi vận động qua khu vực địa hình cao hơn tư thế nằm.

B. Khi gần sát địch, cần hạ thấp thân người; khi vận động qua khu vực bằng phẳng, trống trải, hoả lực địch bắn thẳng.

C. Khi gần sát địch, cần hạ thấp thân người; khi vận động qua khu vực có nhiều cây cối rậm rạp.

D. Khi xa địch, cần hạ thấp thân người, khi vận động qua khu vực bằng phẳng, trống trải, hoả lực địch bắn thẳng.

b) Tại sao khi trườn phải khoá khớp hông, gồng cơ bụng để thân người thành một trục thẳng hướng tiến; di chuyển 2 đến 3 nhịp mới di chuyển súng.

c) Thực hiện động tác trườn.

5. Nêu trường hợp vận dụng và thực hiện động tác vọt tiến khi đang ở tư thế quỳ, nằm (hình dưới).



6. Luyện tập động tác bò thấp.

– Tư thế người: Nằm sấp, một chân co, một chân duỗi thẳng tự nhiên.

– Tư thế súng: Hai tay cầm súng ngang trước mặt, tay phải cầm cổ tròn báng súng, tay trái cầm ốp lót tay, mặt súng quay vào trong người, hai tay mở rộng bằng vai, hai khuỷu tay chống xuống đất.

– Khi tiến: Dùng sức của cánh tay này và má trong của đầu gối chân kia nâng người lên đẩy về trước, bụng và ngực lướt trên mặt đất, cứ như vậy phối hợp tay nọ chân kia thay nhau để tiến.

BÀI 12

KĨ THUẬT CẤP CỨU VÀ CHUYỂN THƯƠNG

1. Cấp cứu ban đầu các tai nạn thông thường có cần thiết không? Vì sao?

A. Không cần thiết vì phải chuyển ngay nạn nhân đến các cơ sở y tế mới cấp cứu được.

B. Rất cần thiết vì sau đó không phải chuyển nạn nhân đến các cơ sở y tế.

C. Không quan trọng vì chỉ làm chậm thời gian đến các cơ sở y tế.

D. Có cần thiết vì đây là điều kiện tiên quyết cho việc điều trị tốt ở các cơ sở y tế.

2. Những triệu chứng nào là của bong gân? Những triệu chứng nào là của sai khớp?

a) Đau nhức nơi tổn thương.

b) Đau dữ dội, liên tục, nhất là khi đụng vào khớp hoặc lúc nạn nhân cử động.

c) Sưng nề, có thể có bầm tím dưới da do chảy máu.

d) Mất vận động hoàn toàn, không gấp, duỗi được.

e) Vận động khó khăn, đau nhức.

g) Chi ở tư thế không bình thường, dài ra hoặc ngắn lại.

3. Những biện pháp cấp cứu nào là của bong gân? Những biện pháp cấp cứu nào là của sai khớp?

a) Bất động khớp bị đau.

b) Băng nhẹ chống sưng nề, giảm chảy máu và góp phần cố định khớp.

c) Giữ nguyên tư thế sai khớp.

d) Chườm lạnh bằng túi chườm hoặc bọc nước đá áp vào vùng khớp.

e) Chuyển ngay nạn nhân đến cơ sở y tế.

g) Bất động chi, cố định tạm thời bằng các phương tiện.

4. Triệu chứng nào **không** phải của ngất?

A. Bồn chồn, khó chịu, mặt tái, mắt tối dần.

B. Thường ngừng tim trước rồi ngừng thở sau.

C. Toàn thân toát mồ hôi, chân tay lạnh, da tái xanh.

D. Chóng mặt, ù tai, ngã khuỵu xuống, bất tỉnh.

5. Khi cấp cứu ban đầu nạn nhân bị ngất, em xử lí như thế nào?

A. Đặt nạn nhân nằm ngay ngắn tại nơi thoáng mát, kê gối dưới vai.

B. Lau chùi đất cát, đờm dãi ở mũi, miệng để khai thông đường thở.

C. Cởi khuy áo, quần, nới dây lưng để máu dễ lưu thông.

D. Cả A, B và C.

6. Đâu là triệu chứng? Đâu là cách xử lí khi bị điện giật?

a) Nhanh chóng ngắt cầu dao, bỏ cầu chì.

b) Cầm tay, chân nạn nhân kéo ra, người cấp cứu phải đi giày, dép khô và dùng vật cách điện lót tay.

c) Có thể tim ngừng đập, ngừng thở và gây tử vong nếu không cấp cứu kịp thời.

d) Gây bỏng, có thể bỏng rất sâu, đặc biệt do điện cao thế.

e) Dùng sào tre, gỗ khô đẩy dây điện ra khỏi người bị nạn.

g) Gãy xương, sai khớp và tổn thương các phủ tạng do ngã.

7. Nạn nhân khi bị ngạt nước có tình trạng nào sau đây sẽ có khả năng cứu sống cao?

A. Mê man, tím tái, gọi hỏi không biết.

B. Đồng tử đã giãn.

C. Giãy giụa; sặc, trào nước; tim còn đập.

D. Da đã trắng bệch hoặc tái xanh.

8. Em hãy sắp xếp các ý sau theo trình tự các bước sơ cứu nạn nhân khi bị đuối nước.

a) Nhanh chóng đưa nạn nhân đến cơ sở y tế.

b) Đặt nạn nhân nằm chỗ khô ráo, thoáng khí.

c) Cởi bỏ quần áo ướt và giữ ấm bằng cách đắp lên người nạn nhân chăn hay một tấm khăn khô.

d) Nhanh chóng đưa nạn nhân ra khỏi mặt nước bằng cách đưa cánh tay, cây sào dài cho nạn nhân nắm, ném phao hoặc vớt nạn nhân lên.

9. Khi người bị say nóng, say nắng triệu chứng nào sẽ xuất hiện sớm nhất?

A. Nhức đầu, chóng mặt.

B. Mệt mỏi, chân tay rã rời, khó thở.

C. Chuột rút, trước hết ở tay, chân.

D. Sốt cao 40 – 42 °C, mạch đập nhanh.

10. Khi bạn em bị say nóng, say nắng, em **không** nên làm việc nào?

A. Cho uống nước đường và muối hoặc nước orezol.

B. Không cần cấp cứu tại chỗ mà nhanh chóng chuyển nạn nhân tới bệnh viện.

C. Đưa nạn nhân vào nơi thoáng mát, cởi bỏ quần áo.

D. Quạt mát, chườm lạnh bằng khăn ướt.

11. Vết cắn nào thể hiện rắn độc cắn?

A. Vết cắn để lại hai hàm răng to đều nhau.

B. Vết cắn để lại hai hàm răng nhỏ đều nhau.

C. Vết cắn để lại hai răng cửa lớn hàm trên.

D. Vết cắn để lại hai răng cửa lớn hàm dưới.

12. Kết quả điều trị sẽ **kém** hiệu quả hoặc **không** hiệu quả khi sơ cứu nạn nhân bị rắn độc cắn sau

A. 12 giờ. B. 24 giờ.

C. 48 giờ. D. 72 giờ.

13. Khi nạn nhân bị rắn độc cắn cần áp dụng các biện pháp nào sau đây?

a) Không để nạn nhân tự đi lại.

b) Chích, nặn, rửa vết cắn dưới vòi nước sạch với xà phòng rồi sát trùng.

c) Tiến hành garô.

d) Hút nọc độc.

e) Hô hấp nhân tạo (nếu nạn nhân khó thở).

g) Sử dụng các loại thuốc dân gian, cổ truyền, chữa bằng mẹo.

14. Khi băng bó vết thương em **không** cần

A. băng sớm, băng nhanh.

B. băng bằng băng thun.

C. băng đủ độ chặt.

D. băng kín, băng hết các vết thương.

15. Khi phát hiện bạn của em bị thương ở cẳng chân, máu chảy ra nhiều. Em định băng bó vết thương để cầm máu cho bạn nhưng không có băng cuộn. Em sẽ sử dụng gì để băng bó cho bạn? Cách tiến hành ra sao?

16. Đâu là mục đích? Đâu là nguyên tắc cầm máu tạm thời?

a) Phải khẩn trương, nhanh chóng làm ngừng chảy máu.

b) Nhanh chóng làm ngừng chảy máu bằng những biện pháp đơn giản.

c) Phải xử lí đúng chỉ định theo tính chất của vết thương.

d) Phải đúng quy trình kĩ thuật.

e) Góp phần cứu sống tính mạng người bị nạn, tránh các tai biến nguy hiểm.

g) Hạn chế đến mức thấp nhất sự mất máu.

17. Khi cầm máu vết thương cho nạn nhân, em **không** nên/ cần thiết thực hiện nội dung nào?

A. Băng ép, băng chèn, băng nút.

B. Ấn động mạch, gấp chi tối đa.

C. Thắt, buộc mạch máu.

D. Garô.

18. Khi cầm máu tạm thời cho nạn nhân, em **không** nên/ cần thiết đặt garô đối với vết thương nào?

A. Vết thương cắt cụt chi tự nhiên, bị rắn độc cắn.

B. Vết thương ở chi chảy máu ồ ạt, phụt thành tia hoặc trào mạnh qua miệng vết thương.

C. Vết thương phần mềm hoặc gãy xương đã cầm máu bằng các biện pháp khác không có hiệu quả.

D. Vết thương phần mềm rộng, nạn nhân đau nhiều.

19. Mục đích của cố định tạm thời xương gãy **không** phải là

A. giữ cho đầu xương tương đối yên tĩnh.

B. làm giảm đau đớn, cầm máu tại vết thương.

C. làm cho nạn nhân có thể vận động lại bình thường.

D. phòng ngừa các biến chứng: choáng, tổn thương thứ phát, nhiễm khuẩn.

20. Khi cố định tạm thời xương gãy cho nạn nhân, nội dung nào sau đây là **không** nên/ cần thiết?

A. Không đặt nẹp cứng sát vào chi, phải đệm lót bằng bông mỡ, gạc.

B. Phải có phiếu cố định tạm thời xương gãy, có kí hiệu ưu tiên vận chuyển.

C. Nẹp cố định phải cố định được cả khớp trên và khớp dưới ổ gãy.

D. Không co kéo, nắn chỉnh ổ gãy, băng cố định nẹp vào chi phải chắc chắn.

21. Em hãy kể tên những nguyên nhân gây bỏng cho người thường gặp trong cuộc sống theo gợi ý dưới đây.

Bỏng do nhiệt	Bỏng do hoá chất	Bỏng do dòng điện

22. Khi sơ cứu nạn nhân bị bỏng, em **không** nên thực hiện nội dung nào?

A. Dùng nước sạch nhanh chóng làm mát vết bỏng.

B. Bôi kem đánh răng, nước mắm, mỡ trăn lên vết bỏng.

C. Sử dụng gạc sạch hoặc miếng vải nhỏ sạch để băng vùng da bị bỏng.

D. Chuyển nạn nhân tới cơ sở y tế.

23. Khi cấp cứu nạn nhân bị ngạt thở, em **không** nên làm ngay hành động nào?

A. Khai thông đường hô hấp trên.

B. Nhanh chóng chuyển nạn nhân đến cơ sở y tế gần nhất.

C. Loại bỏ nguyên nhân gây ngạt thở.

D. Làm hô hấp nhân tạo.

24. Khi thực hiện thổi ngạt cho nạn nhân bị ngạt thở, em sẽ thổi ngạt với nhịp độ bao nhiêu lần/phút?

A. 10 – 15 lần/phút.

B. 15 – 20 lần/phút.

C. 20 – 25 lần/phút.

D. 25 – 30 lần/phút.

25. Khi ép tim ngoài lồng ngực cho nạn nhân tim đã ngừng đập, em sẽ thực hiện ép tim với nhịp độ bao nhiêu lần/phút?

A. 80 – 100 lần/phút.

B. 90 – 110 lần/phút.

C. 100 – 120 lần/phút.

D. 110 – 130 lần/phút.

26. Khi chuyển nạn nhân bằng cáng, nên để đầu nạn nhân như thế nào?

A. Cao, nghiêng về một bên.

B. Thấp, nghiêng về một bên.

C. Cao, luôn ngửa ra sau.

D. Thấp, luôn ngửa ra sau.

HƯỚNG DẪN GIẢI VÀ ĐÁP ÁN

BÀI 1

1. A. **2.** D. **3.** C. **4.** D. **5.** C.

6. A. **7.** A **8.** A **9.** B. **10.** C.

11. Chống Pháp: 2, 5, 6, 7, 11, 15, 16, 17, 20.

Chống Mỹ: 1, 3, 4, 8, 9, 12, 13, 14, 18.

Giai đoạn khác: 10, 19.

12. Gắn bó máu thịt với nhân dân, quân với dân một ý chí là nét đẹp truyền thống, là cội nguồn sức mạnh của quân đội ta.

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: "Không có dân thì không có bộ đội", "Nhân dân là nền tảng, là cha mẹ của bộ đội".

Quan hệ quân – dân là mối quan hệ bình đẳng, giúp đỡ lẫn nhau giữa quân và dân. Nhân dân luôn là nguồn sức mạnh to lớn của quân đội, giúp cho quân đội chiến thắng mọi kẻ thù.

Quân đội ta luôn xây dựng tốt mối quan hệ đoàn kết gắn bó máu thịt với nhân dân, tôn trọng, giúp đỡ, vận động nhân dân thực hiện đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

Cán bộ, chiến sĩ quân đội nhân dân luôn chấp nhận mọi gian khổ, thử thách, hi sinh vì sự bình yên của đất nước, vì hạnh phúc của nhân dân.

Trong điều kiện hoà bình, xây dựng đất nước, nhân dân là người giúp đỡ bộ đội trong huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu, cũng như trong thực hiện mọi nhiệm vụ được giao.

13. Đồng ý vì:

Quân đội nhân dân và công an nhân dân đều từ nhân dân mà ra, vì nhân dân mà chiếu đấu.

Cùng đặt dưới sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp, về mọi mặt của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Ngay từ khi lực lượng công an nhân dân mới ra đời đã phối hợp chặt chẽ với quân đội nhân dân chống thù trong, giặc ngoài, chống các thế lực phản cách mạng, bảo vệ thành công thành quả của Cách mạng tháng Tám.

Qua các cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, sự phối hợp, đoàn kết chiến đấu giữa hai lực lượng càng thêm chặt chẽ, nhất là cùng tham gia phá tan các âm mưu chống phá của địch.

Trong các chiến dịch lớn, lực lượng an ninh cùng lực lượng quân đội bảo vệ tuyệt đối an toàn cho các sở chỉ huy, làm thất bại hoàn toàn các hoạt động gián điệp của địch.

Trong giai đoạn hoà bình, xây dựng đất nước, quan hệ đoàn kết, phối hợp công tác giữa hai lực lượng tiếp tục được sự quan tâm, lãnh đạo chặt chẽ của Đảng, được thể chế hoá bằng chính sách, pháp luật của Nhà nước và nâng lên một tầm cao mới.

BÀI 2

1. D. **2.** A.

3. Các hành vi bị nghiêm cấm gồm:

Lợi dụng hoạt động giáo dục quốc phòng và an ninh để tuyên truyền xuyên tạc đường lối, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; tiết lộ bí mật Nhà nước; tuyên truyền chính sách thù địch, gây chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc; xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân. Cản trở việc thực hiện giáo dục quốc phòng và an ninh. Các hành vi khác theo quy định của pháp luật.

4. Hình thức phổ biến kiến thức quốc phòng và an ninh gồm:

Thông qua báo cáo viên, tuyên truyền viên và các phương tiện thông tin đại chúng; các buổi sinh hoạt cộng đồng dân cư, hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức đoàn thể, hoạt động văn hoá nghệ thuật, thể dục, thể thao, hoạt động của thiết chế văn hoá cơ sở và các hình thức sinh hoạt văn hoá truyền thống; lồng ghép vào các đợt gọi công dân nhập ngũ, ngày kỉ niệm, ngày truyền thống; hoạt động của cơ quan, tổ chức quản lí di sản văn hoá vật thể, phi vật thể, khu bảo tồn thiên nhiên, khu tưởng niệm, đài kỉ niệm, nghĩa trang liệt sĩ, nhà truyền thống, nhà bảo tàng, cung văn hoá, thể thao thanh niên, thiếu niên, câu lạc bộ thể thao quốc phòng và an ninh.

5. B. **6.** Nghĩa vụ: a, c, e. Trách nhiệm: b, d, g.

7. B. **8.** C.

9. Ý kiến của em là dựa vào điều kiện tuyển chọn của quân đội và công an nhân dân cụ thể:

Điều kiện tuyển chọn đào tạo sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam là: Công dân nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam có đủ tiêu chuẩn về chính trị, phẩm chất đạo đức, trình độ học vấn, sức khoẻ và tuổi đời; có nguyện vọng và khả năng hoạt động trong lĩnh vực quân sự thì có thể được tuyển chọn đào tạo sĩ quan. Nguồn bổ sung sĩ quan tại ngũ gồm: hạ sĩ quan, binh sĩ tốt nghiệp các trường đào tạo sĩ quan hoặc các trường đại học ngoài quân đội; hạ sĩ quan, binh sĩ hoàn thành tốt nhiệm vụ chiến đấu; quân nhân chuyên nghiệp và công chức quốc phòng tại ngũ tốt nghiệp đại học trở lên đã được đào tạo, bồi dưỡng chương trình quân sự theo quy định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng; cán bộ, công chức ngoài quân đội và những người tốt nghiệp đại học trở lên được điều động vào phục vụ trong quân đội đã được đào tạo, bồi dưỡng chương trình quân sự theo quy định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng; sĩ quan dự bị.

Tuyển chọn công dân vào Công an nhân dân Việt Nam: Công dân có đủ tiêu chuẩn về chính trị, phẩm chất đạo đức, trình độ, sức khoẻ, độ tuổi và năng khiếu phù hợp với công tác công an, có nguyện vọng và công an nhân dân có nhu cầu thì có thể được tuyển chọn vào công an nhân dân; công an nhân dân được ưu tiên tuyển chọn sinh viên, học sinh xuất sắc tốt nghiệp ở các cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp có đủ tiêu chuẩn để đào tạo, bổ sung vào công an nhân dân.

BÀI 3

1. D. **2.** D. **3.** D. **4.** a, b, c, d.

5. Các tội phạm về ma tuý được quy định tại Chương XX, Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi năm 2017, bao gồm 13 điều, từ Điều 247 đến Điều 259, cụ thể:

Điều 247. Tội trồng cây thuốc phiện, cây côca, cây cần sa hoặc các loại cây khác có chứa chất ma tuý.

Điều 248. Tội sản xuất trái phép chất ma tuý.

Điều 249. Tội tàng trữ trái phép chất ma tuý.

Điều 250. Tội vận chuyển trái phép chất ma tuý.

Điều 251. Tội mua bán trái phép chất ma tuý.

Điều 252. Tội chiếm đoạt chất ma tuý.

Điều 253. Tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán hoặc chiếm đoạt tiền chất dùng vào việc sản xuất trái phép chất ma tuý.

Điều 254. Tội sản xuất, tàng trữ, vận chuyển hoặc mua bán phương tiện, dụng cụ dùng vào việc sản xuất hoặc sử dụng trái phép chất ma tuý.

Điều 255. Tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý.

Điều 256. Tội chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma tuý.

Điều 257. Tội cưỡng bức người khác sử dụng trái phép chất ma tuý.

Điều 258. Tội lôi kéo người khác sử dụng trái phép chất ma tuý.

Điều 259. Tội vi phạm quy định về quản lí, sử dụng chất ma tuý, tiền chất, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần.

6. D. **7.** D.

8. Em cần:

Dành nhiều thời gian để gần gũi, quan tâm Nam về học tập, tham gia các hoạt động của lớp.

Tìm lí do để tâm sự, nói chuyện với Nam nhiều hơn.

Tìm hiểu, xác định xem hiện Nam có sử dụng ma tuý không? Nếu có thì sử dụng loại ma tuý gì, từ khi nào, lí do gì Nam lại sử dụng ma tuý?

Tìm cách gặp bố mẹ Nam để trao đổi thêm về tình hình của Nam để bố mẹ Nam biết và chia sẻ thêm.

Báo cáo cô giáo chủ nhiệm để có biện pháp quan tâm, động viên Nam.

Trong trường hợp Nam đã nghiện ma tuý, em cần cùng nhà trường, gia đình động viên Nam đi cai nghiện ma tuý.

BÀI 4

1. C. **2.** B. **3.** D. **4.** D. **5.**C.

6.

I - 5	**II** - 1	**III** - 9	**IV** - 12	**V** - 16	**VI** - 14	**VII** - 4	**VIII** - 15
IX- 7	**X** - 10	**XI** - 13	**XII** - 11	**XIII** - 2	**XIV** - 3	**XV** - 8	**XVI** - 6

7. Cả hai anh em Nguyễn Văn A và Nguyễn Văn B đều vi phạm pháp luật về trật tự, an toàn giao thông. Vì:

– Trước tiên cần xác định một số vấn đề:

+ Xe gắn máy là phương tiện chạy bằng động cơ, có hai bánh hoặc ba bánh và vận tốc thiết kế lớn nhất không lớn hơn 50 km/h. Nếu động cơ dẫn động là động cơ nhiệt thì dung tích làm việc hoặc dung tích tương đương không được lớn hơn 50 cm^3.

+ A học lớp 11, theo đúng tuổi đi học thì A, 17 tuổi. B học lớp 9, theo đúng tuổi đi học thì B, 15 tuổi.

+ Quy định độ tuổi người được phép điều khiển xe gắn máy là người từ đủ 16 tuổi trở lên. Như vậy, A được phép điều khiển và B không được phép điều khiển xe gắn máy tham gia giao thông.

– Để xác định vì sao A và B vi phạm pháp luật, phải xem xét, phân tích các dấu hiệu vi phạm pháp luật về trật tự, an toàn giao thông.

+ Dấu hiệu hành vi:

A có hành vi cụ thể là giao xe gắn máy cho B, để B điều khiển xe gắn máy tham gia giao thông. Trong khi B không đủ điều kiện về độ tuổi điều khiển xe gắn máy tham gia giao thông.

B có hành vi cụ thể là điều khiển xe gắn máy tham gia giao thông.

+ Dấu hiệu hành vi trái quy định pháp luật:

Hành vi của A nêu trên là hành vi vi phạm được quy định tại mục đ, khoản 5, Điều 30.

Hành vi của B nêu trên là hành vi vi phạm được quy định tại khoản 1, Điều 21.

Các mục, điều, khoản trên đều thuộc Nghị định số: 100/2019/NĐ-CP, ngày 30/12/2019 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt.

+ Dấu hiệu lỗi: A và B buộc phải biết các quy định về các hành vi nêu trên nhưng A và B có thể biết mà không thực hiện hoặc chưa biết thì đều có lỗi.

+ Dấu hiệu về năng lực trách nhiệm pháp lí thực hiện:

Cả A và B đều có đầy đủ năng lực nhận biết về hậu quả hành vi của mình (đang học lớp 11 và lớp 9), cả A và B đều trên 14 tuổi (độ tuổi theo quy định phải chịu trách nhiệm về hành vi vi phạm của mình gây ra). Đối với trường hợp của B cần phải xem xét cụ thể về dấu hiệu lỗi: cố ý hay vô ý để căn cứ vào đó có mức độ giải quyết xử phạt hay nhắc nhở, tuyên truyền.

BÀI 5

1. D.

2. Điều 14 Luật An ninh quốc gia quy định nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia bao gồm:

   – Bảo vệ chế độ chính trị và Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc.

   – Bảo vệ an ninh về tư tưởng và văn hoá, khối đại đoàn kết toàn dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

   – Bảo vệ an ninh trong các lĩnh vực kinh tế, quốc phòng, đối ngoại và các lợi ích khác của quốc gia.

   – Bảo vệ bí mật nhà nước và các mục tiêu quan trọng về an ninh quốc gia.

   – Phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, đấu tranh làm thất bại và loại trừ các hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia, nguy cơ đe doạ an ninh quốc gia.

3. Điều 32 Luật Công an nhân dân quy định những việc sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ công an nhân dân không được làm:

   – Lợi dụng, lạm dụng chức vụ, quyền hạn được giao để xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

   – Những việc trái với pháp luật, Điều lệnh Công an nhân dân và những việc mà pháp luật quy định cán bộ, công chức, viên chức không được làm.

4. Hiện nay, Bộ Công an triển khai nhiều cuộc vận động, nhiều chương trình, kế hoạch cụ thể gắn với tình hình, yêu cầu của từng giai đoạn, thời điểm hoặc vùng, miền khác nhau. Có thể nêu ra một số cuộc vận động,

phong trào mà người dân có thể tham gia như sau: hòm thư tố giác tội phạm; tuyên truyền phòng, chống tệ nạn ma túy; tố giác người nước ngoài cư trú bất hợp pháp; bài trừ tệ nạn mê tín dị đoan, tuyên truyền đạo trái phép,...

5. E. **6.** D. **7.** D.

8. Điều 31 Luật An ninh quốc gia quy định trách nhiệm của Bộ Quốc phòng trong quản lí nhà nước về an ninh quốc gia:

Bộ Quốc phòng trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình chịu trách nhiệm trước Chính phủ phối hợp với Bộ Công an thực hiện quản lí nhà nước về bảo vệ an ninh quốc gia; chỉ đạo các lực lượng thuộc quyền phối hợp chặt chẽ với lực lượng công an nhân dân và chính quyền địa phương để bảo vệ an ninh quốc gia theo quy định của pháp luật.

Quy chế phối hợp giữa Bộ Công an với Bộ Quốc phòng trong việc thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia do Thủ tướng Chính phủ quy định.

9. Trong tình huống trên, là người bạn của Dũng em hãy:

– Đề nghị Dũng không được cho các viên nén màu hồng vào đồ uống.

– Hỏi Dũng để xác định chính xác các viên nén đó là chất gì, liệu có phải là chất ma tuý không.

– Trong trường hợp các viên nén đó có tên mác, nguồn gốc rõ ràng, xác định chính xác có tác dụng cho sức khoẻ thì đồng ý với đề xuất của Dũng.

– Nếu không xác định được nguồn gốc, tác dụng của các viên này (nghi ngờ là chất ma tuý) khuyên Dũng không cho vào đồ uống. Trong trường hợp Dũng không đồng ý, em cần thuyết phục các bạn trong nhóm có ý kiến và cương quyết không đồng ý với đề nghị của Dũng.

– Trong trường hợp mọi người khuyên nhưng Dũng không nghe, em cần chủ động thuyết phục các bạn khác nhanh chóng rời khỏi buổi sinh nhật (càng nhiều bạn càng tốt).

– Lựa chọn thời điểm hợp lý để tâm sự với Dũng về buổi sinh nhật; về những viên nén mà Dũng có, trong đó xác định: là chất gì; có phải là ma tuý không; lí do Dũng sử dụng; Dũng có vướng mắc gì trong học tập, gia đình, quan hệ bạn bè,... Từ đó, em tìm cách động viên, gần gũi, quan tâm Dũng nhiều hơn; gợi ý, khuyến khích Dũng tham gia các hoạt động tập thể của lớp, của trường; đồng thời báo cáo giáo viên chủ nhiệm

để thầy cô nắm được và có những quan tâm, chia sẻ động viên cụ thể hơn; trao đổi với bố mẹ Dũng về tình hình của Dũng hiện tại.

BÀI 6

1. Một số mạng xã hội phổ biến như Facebook, Zalo, Instagram, LinkedIn, MySpace, Twitter, YouTube, TikTok,...Có thể đăng nhập vào các mạng xã hội bằng máy tính để bàn, máy tính xách tay, máy tính bảng và điện thoại thông minh có kết nối mạng.

2. Một số ứng dụng phổ biến trên Internet phục vụ học tập như:

Tên ứng dụng	Mặt tích cực	Mặt trái
Ứng dụng học trực tuyến: Zoom. Google Meet,...	Giáo viên có thể truyền đạt kiến thức nhanh chóng; học sinh có thể học tập ở bất cứ nơi nào chỉ cần có kết nối Internet ổn định; giảm chi phí đi lại, tiết kiệm được thời gian và hạn chế tiếp xúc trong điều kiện tình hình dịch bệnh diễn biến phức tạp.	Những người tham gia lớp học trực tuyến có nguy cơ bị theo dõi, trêu đùa và xâm phạm quyền riêng tư vì những vấn đề về bảo mật thông tin của phần mềm.
Ứng dụng tìm kiếm thông tin Google Search.	Có thể tra cứu thông tin nhanh chóng về nhiều lĩnh vực kiến thức để phục vụ học tập.	Thông tin mà người dùng tra cứu được lưu trữ tự động và có thể được sử dụng cho các mục đích như quảng cáo trực tuyến.
Ứng dụng mạng xã hội (Zalo, Facebook), ứng dụng thư điện tử (E-mail).	Có thể gửi/nhận tin nhắn, hình ảnh, tài liệu học tập nhanh chóng và miễn phí.	Nguy cơ về vấn đề bảo mật dữ liệu cá nhân của người sử dụng; nguy cơ lây nhiễm mã độc.
Ứng dụng dịch thuật tự động Google Translate.	Có thể dịch nội dung bài học, tài liệu tham khảo từ nhiều ngôn ngữ khác nhau.	Chưa được kiểm chứng về tính chính xác và vấn đề kiểm duyệt các nội dung nhạy cảm, yếu tố chính trị.

3. Thông tin của cá nhân, thông tin của người thân trong gia đình, thông tin về các loại tài khoản, thông tin về địa chỉ nhà ở, trường lớp,...

4. Khi tham gia các hoạt động trên mạng em cần chú ý bảo mật thông tin

cá nhân, đặt mật khẩu an toàn, cảnh giác trước những đường dẫn lạ, không tham gia vào những nhóm, trang mạng mang tính kích động, bạo lực, đồi truỵ, không tuỳ tiện đăng ảnh của bản thân cũng như người khác lên mạng kèm những thông tin không đúng sự thật và ảnh hưởng tới nhân phẩm, danh dự của người khác.

5. A. **6.** B. **7.** D. **8.** B.

9. Nội dung viết thư để nhắn nhủ bạn về những nguy cơ mất an toàn thông tin và ảnh hưởng đến sức khoẻ, tâm lí khi dành quá nhiều thời gian tham gia mạng xã hội như: các rủi ro khi tiếp xúc với các thông tin không chính xác, không lành mạnh; các nguy cơ bị lừa đảo, dữ liệu cá nhân có thể bị chia sẻ và sử dụng vào các mục đích xấu, làm mất tính bảo mật, đe doạ sự riêng tư, ảnh hưởng xấu đến sức khoẻ và học tập,...

10. Điều 30, 31, 32 của Luật An ninh mạng quy định lực lượng bảo vệ an ninh mạng gồm lực lượng chuyên trách tại Bộ Công an, Bộ Quốc phòng; lực lượng được bố trí tại Bộ, Ngành, Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan, tổ chức quản lí trực tiếp hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia; tổ chức, cá nhân được huy động.

Nếu anh D có đủ tiêu chuẩn về phẩm chất đạo đức, sức khoẻ, trình độ, kiến thức về an ninh mạng, an toàn thông tin mạng, công nghệ thông tin và có nguyện vọng thì có thể được xem xét tuyển chọn vào lực lượng bảo vệ an ninh mạng.

11. Hành vi của A và B là vi phạm pháp luật, vi phạm khoản 1, Điều 18 của Luật An ninh mạng (hành vi sử dụng không gian mạng, công nghệ thông tin để chiếm đoạt tài sản).

Các mức xử phạt căn cứ theo Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

BÀI 7

1. A. **2.** D.

3. Không cưa, đục bom, mìn, mở tháo bom, mìn, ném vật khác vào bom, mìn và vận chuyển bom, mìn; không đốt lửa trên vùng đất còn nhiều bom, mìn; không đi vào khu vực có biển báo bom, mìn. Nếu đã đi vào khu vực có bom, mìn thì phải thận trọng đi ra theo lối đã đi vào hoặc đứng yên, kêu to cho người khác biết để giúp đỡ; không chơi đùa ở những nơi

có thể còn sót lại bom, mìn như hố bom, bụi rậm, căn cứ quân sự cũ. Khi thấy vật lạ nghi là bom, mìn phải tránh xa và báo cho người lớn biết; không đứng xem người khác cưa, đục, tháo dỡ bom, mìn, phải tránh xa; không tham gia rà tìm và buôn bán phế liệu chiến tranh.

4. B. **5.** D.

6. Napalm là các loại chất lỏng dễ bắt cháy được sử dụng trong chiến tranh, thường là xăng được làm đông đặc, cháy với nhiệt độ rất cao, có thể bám dính vào da người và cháy được cả ở dưới nước. Khi napalm rơi vào người gây đau đớn ngoài sức tưởng tượng, bỏng nặng, bất tỉnh, ngạt thở và thường tử vong.

Chất độc da cam là tên gọi của một loại chất thuốc diệt cỏ và làm rụng lá cây được quân đội Mỹ sử dụng như một thứ vũ khí hoá học nhằm huỷ diệt các khu vực trú ẩn của quân đội Giải phóng Việt Nam. Nó tác động hết sức khủng khiếp đến sức khoẻ con người trong nhiều thế hệ, nhất là dị tật bẩm sinh.

7. C. **8.** D. **9.** D.

10. Máy bay tiêm kích, máy bay tàng hình F-117A, máy bay ném bom tàng hình đa nhiệm B-2 Spirit, máy bay tiêm kích tàng hình F-22 (Raptor); tên lửa hành trình Tomahawk, tên lửa có cánh không đối đất AGM-129, bom xung điện từ,...

11. A. **12.** B. **13.** D. **14.** B.

15. Công trình phòng, chống thiên tai: trạm quan trắc khí tượng, thuỷ văn, hải văn, địa chấn, cảnh báo thiên tai; công trình đê điều, hồ đập, chống úng, chống hạn, chống sạt lở; khu neo đậu tránh trú bão cho tàu thuyền, nhà ở kết hợp sơ tán dân và công trình khác phục vụ phòng, chống thiên tai.

16. Phòng bệnh truyền nhiễm: a, c, e; chống dịch: b, d, g.

17. D.

18. Nhóm A: bệnh bại liệt, dịch hạch, đậu mùa, tả,...

Nhóm B: bệnh bạch hầu, than, thuỷ đậu,...

Nhóm C: bệnh giang mai, lậu, sán lá gan,...

19. Thông báo cho cơ sở y tế để được hướng dẫn; thực hiện khai báo y tế; thực hiện cách li theo hướng dẫn; kiểm tra sức khoẻ thường xuyên.

20. C. **21.** D. **22.** B.

23. Di chuyển bình tới gần điểm cháy, giật chốt hãm. Chọn đầu hướng ngọn lửa, hướng loa phun vào càng gần gốc lửa càng tốt. Bóp (hay vặn) van để khí tự phun ra dập lửa.

BÀI 8

1. a) Quân nhân gọi nhau bằng *"Đồng chí"* và xưng *"Tôi"*, sau tiếng *"Đồng chí"* có thể gọi tiếp cấp bậc, chức vụ, họ tên người mà mình định tiếp xúc. Đối với cấp trên có thể gọi là *"Thủ trưởng"*.

b) Là không đúng Điều lệnh Quản lí bộ đội vì theo khoản 1, Điều 40 quy định: Quân nhân phải chào khi gặp nhau. Cấp dưới phải chào cấp trên trước, người được chào phải chào đáp lễ.

2. a, c, e, g, h.

3. Ngoài giờ làm việc, hội nghị, cuộc họp, học tập, sinh hoạt tập thể, cán bộ, chiến sĩ xưng hô với nhau sao cho phù hợp với phong tục, truyền thống văn hoá Việt Nam.

4. Không đúng Điều lệnh Công an nhân dân. Vì theo khoản 1, Điều 36,... cấp dưới phải chào cấp trên trước,... Như vậy trường hợp cấp trên ít tuổi hơn cấp dưới thì cấp dưới vẫn phải chào trước.

5. b, c, e, g, h, i, l.

6. Học sinh có thể vận dụng kiến thức đã học vào việc chấp hành nề nếp, chế độ của nhà trường, các quy định của nhà trường và địa phương,...

Từng bước hoàn thiện bản thân, để trở thành con ngoan trò giỏi,...

Xây dựng phương pháp, tác phong làm việc nghiêm túc, khoa học,...

7. Học sinh trình bày theo cảm nghĩ cá nhân.

BÀI 9

1. B.	**2.** C.	**3.** C.	**4.** D.
5. C.	**6.** C.	**7.** D.	**8.** D.
9. D.	**10.** B.	**11.** C.	**12.** D.
13. D.	**14.** B.	**15.** D.	**16.** B.
17. C.	**18.** B.	**19.** D.	**20.** D.
21. D.	**22.** B.	**23.** D.	**24.** B.
25. A.	**26.** C.	**27.** B.	**28.** C.
29. D.	**30.** B.	**31.** a, b, c, h, i, k, l, m, n, o, p.	

32. Thái nên động viên, thuyết phục bạn Duy đến lớp, nội dung có thể là:

Điều lệnh đội ngũ là nội dung bổ ích và thiết thực, nhằm rèn luyện cho người học ý thức tổ chức kỉ luật, tư thế trang nghiêm, hùng mạnh; tác phong khẩn trương, nghiêm túc, sẵn sàng chấp hành mệnh lệnh.

Động tác điều lệnh đội ngũ rèn luyện cho người học đức tính bình tĩnh, nhẫn nại; tác phong khoa học, chính xác; góp phần hình thành và phát triển những phẩm chất tốt đẹp cho người học.

Động tác điều lệnh đội ngũ có thể vận dụng vào các hoạt động của đoàn, đội, chào cờ,... tạo sự nghiêm túc, thống nhất trong trường, lớp.

Điều lệnh đội ngũ cũng là nội dung khó, nếu không học tập, rèn luyện sẽ gặp nhiều khó khăn khi kiểm tra kết thúc môn, có thể bị điểm kém, ảnh hưởng đến kết quả học tập.

Nếu không tham gia học tập sẽ ảnh hưởng đến thành tích thi đua của lớp, xếp loại hạnh kiểm của bản thân. Tham gia học tập điều lệnh đội ngũ cũng là cơ hội để các thành viên trong lớp kết nối, giao lưu tình cảm, đoàn kết và tôn trọng lẫn nhau.

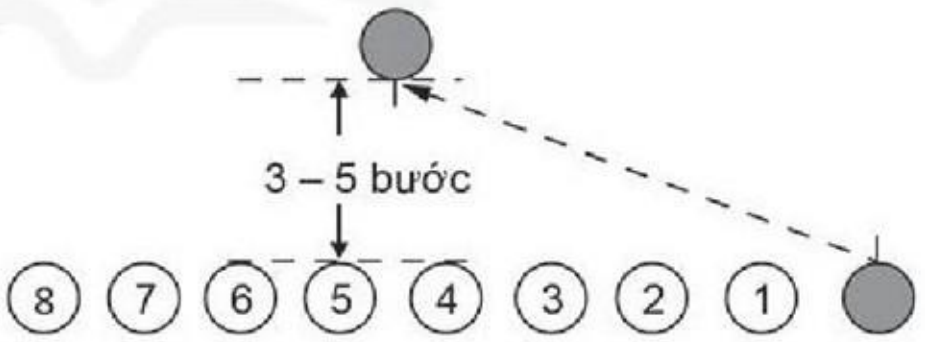
BÀI 10

1. a) – Thứ tự thực hiện đội hình tập hợp tiểu đội 1 hàng ngang gồm bốn bước: bước 1 – Tập hợp, bước 2 – Điểm số, bước 3 – Chỉnh đốn hàng ngũ, bước 4 – Giải tán.

– Làm rõ bước 1 "Tập hợp" và bước 2 "điểm số" như trong SGK.

b) Sơ đồ đội hình tiểu đội 1 hàng ngang như hình bên.

c) Thực hành luyện tập các bước thực hiện đội hình tiểu đội 1 hàng ngang.



Sơ đồ đội hình tiểu đội 1 hàng ngang

2. a) Thứ tự thực hiện đội hình tập hợp tiểu đội 2 hàng ngang gồm ba bước: bước 1 – Tập hợp, bước 2 – Chỉnh đốn hàng ngũ, bước 3 - Giải tán.

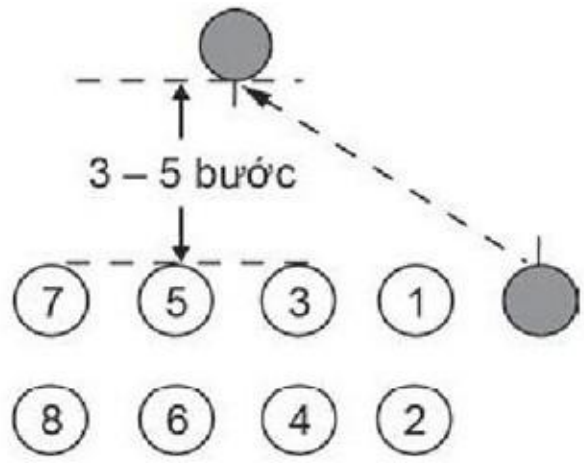
Làm rõ bước 2 "Chỉnh đốn hàng ngũ" như trong SGK.

Các bước thực hiện đội hình 2 hàng ngang cơ bản giống như đội hình tiểu đội 1 hàng ngang. Những điểm khác:

Khẩu lệnh: "Tiểu đội thành 2 hàng ngang – TẬP HỢP".

Vị trí khi đứng trong đội hình: Các số lẻ đứng hàng trên, các số chẵn đứng hàng dưới. Cự li giữa hàng trên và hàng dưới là 1 m. Đội hình 2 hàng ngang không điểm số.

b) Sơ đồ đội hình tiểu đội 2 hàng ngang như hình bên.



Sơ đồ đội hình tiểu đội 2 hàng ngang

c) Tự luyện tập các bước tập hợp đội hình tiểu đội 2 hàng ngang.

3. a) Thứ tự thực hiện đội hình tiểu đội 1 hàng dọc gồm bốn bước: bước 1 – Tập hợp, bước 2 – Điểm số, bước 3 – Chỉnh đốn hàng ngũ, bước 4 – Giải tán.

Làm rõ bước 1 "Tập hợp" và bước 2 "Điểm số" như trong SGK.

b) Sơ đồ đội hình tiểu đội 1 hàng dọc như hình bên.



Sơ đồ đội hình tiểu đội 1 hàng dọc

c) Thực hành luyện tập các bước thực hiện đội hình tiểu đội 1 hàng dọc.

4. a) Thứ tự thực hiện đội hình tập hợp tiểu đội 2 hàng dọc gồm ba bước: bước 1 – Tập hợp, bước 2 – Chỉnh đốn hàng ngũ, bước 3 – Giải tán.

Làm rõ bước 2 "Chỉnh đốn hàng ngũ" như trong SGK.

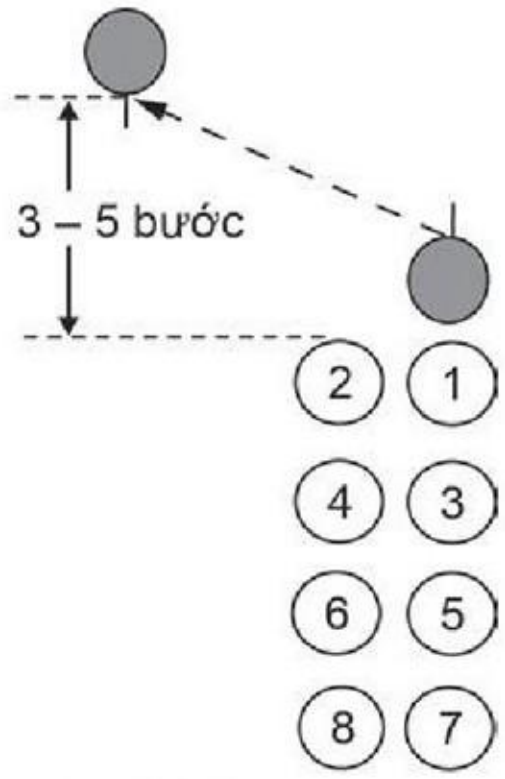
Các bước thực hiện đội hình tiểu đội 2 hàng dọc cơ bản giống như tiểu đội 1 hàng dọc. Những điểm khác:

+ Khẩu lệnh: "Tiểu đội thành 2 hàng dọc – TẬP HỢP".

+ Các chiến sĩ số lẻ đứng thành 1 hàng dọc ở bên phải, các chiến sĩ số chẵn đứng thành 1 hàng dọc ở bên trái; đội hình 2 hàng dọc không điểm số.

b) Sơ đồ đội hình tiểu đội 2 hàng dọc như hình bên.

c) Tự luyện tập các bước thực hiện đội hình tiểu đội 2 hàng dọc.



Sơ đồ đội hình tiểu đội 2 hàng dọc

5. Thực hiện đội hình tiểu đội 1, 2 hàng ngang; 1, 2 hàng dọc.

Chỉ huy tiểu đội: tiến 3 bước, lùi 3 bước, qua phải 3 bước, qua trái 3 bước.

6. Thực hiện đội hình tiểu đội 2 hàng ngang, sau đó gọi một chiến sĩ thực hiện động tác ra khỏi hàng và về vị trí.

BÀI 11

1. a) Vì động tác đi khom cao khi ở gần địch khó bảo đảm yếu tố bí mật nên chỉ vận dụng động tác trong các trường hợp như vậy.

b) Vì đi khom, chân đi nhún nhảy (mỏ cò) sẽ tạo ra yếu tố để địch chú ý sẽ không giữ được bí mật.

c) Thực hiện động tác theo hướng dẫn trong SGK và theo nội dung kết luận của giáo viên.

2. a) B.

b) Trường hợp vận dụng: Vận dụng khi gần địch, sẵn sàng dùng súng hoặc cần có một tay để ôm, mang vũ khí.

Thực hiện động tác theo hướng dẫn trong SGK và theo nội dung kết luận của giáo viên.

c) Trường hợp vận dụng: Thường vận dụng trong trường hợp cần bò nhanh hơn bò hai chân một tay, khi hai tay không phải ôm vũ khí, khí tài.

Thực hiện động tác theo hướng dẫn trong SGK và theo nội dung kết luận của giáo viên.

3. a) C.

b) Để bảo đảm khi vận động được nhịp nhàng, vững chắc không gây ra dấu hiệu bất thường địch dễ phát hiện, không rách quân phục khi vận động.

c) Thực hiện động tác lê theo hướng dẫn trong SGK và theo nội dung kết luận của giáo viên.

4. a) B.

b) Để bảo đảm khi vận động được nhịp nhàng, vững chắc không gây ra dấu hiệu bất thường địch dễ phát hiện, không rách quân phục khi vận động.

c) Thực hiện động tác trườn theo hướng dẫn trong SGK và theo nội dung kết luận của giáo viên.

5. Trường hợp vận dụng: Vượt qua địa hình trống trải, khi địch tạm ngừng hoả lực.

Thực hiện động tác theo hướng dẫn trong SGK và theo nội dung kết luận của giáo viên.

6. Tự nghiên cứu thực hiện động tác bò thấp theo hướng dẫn trong SGK.

BÀI 12

1. D. **2.** Bong gân: a, c, e; sai khớp: b, d, g.

3. Bong gân: b, d, g; sai khớp: a, c, e. **4.** B. **5.** D.

6. Triệu chứng: c, d, g. Cách xử lí: a, b, e.

7. C. **8.** 1:d, 2:b, 3:c, 4:a. **9.** C. **10.** B.

11. C. **12.** C. **13.** a, b, e. **14.** B.

15. Có thể gấp mảnh vải, khăn vuông gấp thành hình tam giác hay cánh én, sau đó đặt thẳng sát với đoạn chi, cuốn như cuốn xà cạp rồi buộc cố định.

16. Mục đích: b, e, g; Nguyên tắc: a, c, d.

17. C. **18.** D. **19.** C. **20.** B.

21.

Bỏng do nhiệt	Bỏng do hoá chất	Bỏng do dòng điện
Nước sôi, nước nóng, thức ăn nóng, dầu mỡ sôi, nhựa đường, hơi nước, pô xe máy, bàn là, bỏng do khí nóng, lửa dầu, lửa xăng, lửa cồn, lửa do cháy nhà, cháy xe, tia lửa điện.	Dung dịch của các axit, muối một số kim loại nặng, vôi tôi, các chất oxi hoá mạnh như thuốc tím, các chất ăn mòn như phenol.	Tia lửa hồ quang điện, sét đánh.

22. B. **23.** B. **24.** B.

25. C. **26.** A.

Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam xin trân trọng cảm ơn các tác giả có tác phẩm, tư liệu được sử dụng, trích dẫn trong cuốn sách này.

Chịu trách nhiệm xuất bản:
Chủ tịch Hội đồng Thành viên NGUYỄN ĐỨC THÁI
Tổng Giám đốc HOÀNG LÊ BÁCH

Chịu trách nhiệm nội dung:
Tổng biên tập PHẠM VĨNH THÁI

Biên tập nội dung: PHẠM VĨNH THÔNG
Biên tập mĩ thuật: BÙI QUANG TUẤN
Thiết kế sách: TẠ XUÂN PHƯƠNG
Trình bày bìa: BÙI QUANG TUẤN
Sửa bản in: PHẠM VĨNH THÔNG – NGUYỄN THỊ HÀ
Chế bản: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC HÀ NỘI

Bản quyền thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

Tất cả các phần của nội dung cuốn sách này đều không được sao chép, lưu trữ, chuyển thể dưới bất kì hình thức nào khi chưa có sự cho phép bằng văn bản của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

Bài tập GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH 10

Mã số: G3BHXP001A22

In .....bản, (QĐ .....) khổ 17 x 24cm
Đơn vị in: ..... địa chỉ .....
Số ĐKXB: 1051-2022/CXBIPH/2-645/GD
Số QĐXB: /QĐ – GD – HN ngày ..... tháng ..... năm 20...
In xong nộp lưu chiểu tháng ... năm 20....
Mã số ISBN: 978-604-0-32660-7



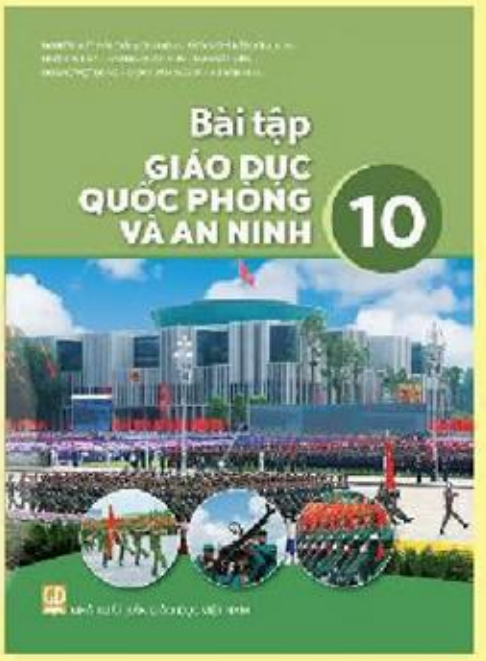
HUÂN CHƯƠNG HỒ CHÍ MINH

BỘ SÁCH GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH - LỚP 10

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM







Các đơn vị đầu mối phát hành

- **Miền Bắc:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội
  CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Bắc
- **Miền Trung:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng
  CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Trung
- **Miền Nam:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam
  CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Nam
- **Cửu Long:** CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục Cửu Long

Sách điện tử: http://hanhtrangso.nxbgd.vn

Kích hoạt để mở học liệu điện tử: Cào lớp nhũ trên tem để nhận mã số. Truy cập http://hanhtrangso.nxbgd.vn và nhập mã số tại biểu tượng chìa khoá.

ISBN: 978-604-0-32660-7

9 786040 326607

Giá: 10.000 đ